

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

---o0o---

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25/10/2010, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 15/01/2016)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: .../QĐ-SGDHN do... cấp ngày... tháng... năm 2016)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Km 19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0533.782.789

Fax: 0533.782.789

Website: <http://thuongphu.com.vn>

Email: info@thuongphu.com.vn

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12 & 17 Toà nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.3936.6990

Fax: 04.3936.0262

Website: <https://www.vCBS.com.vn/>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên : Nguyễn Bá Nam

Chức vụ : Thành viên HĐQT

Số điện thoại : 0934.569.505

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25/10/2010, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 15/01/2016)



THƯƠNG PHÚ

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Thương Phú.

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng khối lượng niêm yết: 10.000.000 cổ phiếu.

Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá: 100.000.000.000 đồng.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01, Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.3824.1990

Fax: 04.3825.3937

Website: <http://www.aasc.com.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12 & 17 Toà nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.3936.6990

Fax: 04.3936.0262

Website: <https://www.vCBS.com.vn>

MỤC LỤC

PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp.....	7
3. Rủi ro đặc thù.....	7
4. Rủi ro tăng vốn nhanh.....	8
5. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán.....	8
6. Rủi ro khác.....	8
PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	9
1. Tổ chức niêm yết.....	9
2. Tổ chức tư vấn.....	9
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM.....	10
PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	11
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	16
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	17
4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 01/04/2016.....	22
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.....	23
6. Hoạt động kinh doanh.....	23
(Nguồn: Công ty cổ phần Thương Phú).....	29
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	40
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	43
9. Chính sách đối với người lao động.....	46
10. Chính sách cổ tức.....	48
11. Tình hình tài chính.....	48
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	56
13. Tài sản.....	68
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	70
15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	72

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:	73
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	73
PHẦN V.CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	74
1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.....	74
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.	74
3. Mã chứng khoán CTP	74
4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết: 10.000.000 cổ phiếu.....	74
5. Tổng giá trị chứng khoán đăng ký niêm yết theo mệnh giá: 100.000.000.000 đồng.....	74
6. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành.....	74
7. Giá trị sổ sách	75
8. Phương pháp tính giá	75
9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	75
10. Các loại thuế có liên quan	75
PHẦN VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	76
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN	76
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	76
PHẦN VII. PHỤ LỤC	76
CHƯƠNG ĐOÀN KIỂM SOÁT.....	77

PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Công ty cổ phần Thương Phú hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh và chế biến cà phê, do vậy kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ nền kinh tế. Các yếu tố vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất... có thể tác động trực tiếp đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong ngắn hạn và dài hạn.

❖ Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành trong nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam ghi nhận sự gia tốc đáng kể trong năm 2015. GDP 2015 tăng 6,68%, bứt phá so với con số 5,98% của năm 2014 và đạt mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây, trong đó hầu hết các khu vực kinh tế đều tăng trưởng tốt như khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,41%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,64%.

Sự phát triển của ngành nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế rơi vào giai đoạn suy thoái, sản phẩm nông nghiệp bị mất giá, không tiêu thụ được, cầu các mặt hàng chế biến từ sản phẩm nông nghiệp cũng giảm khiến cho ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Khi nền kinh tế phục hồi trở lại, Chính phủ sẽ quan tâm hơn đến phát triển nông nghiệp, có nhiều chính sách và các gói hỗ trợ ngành nông nghiệp tăng trưởng.

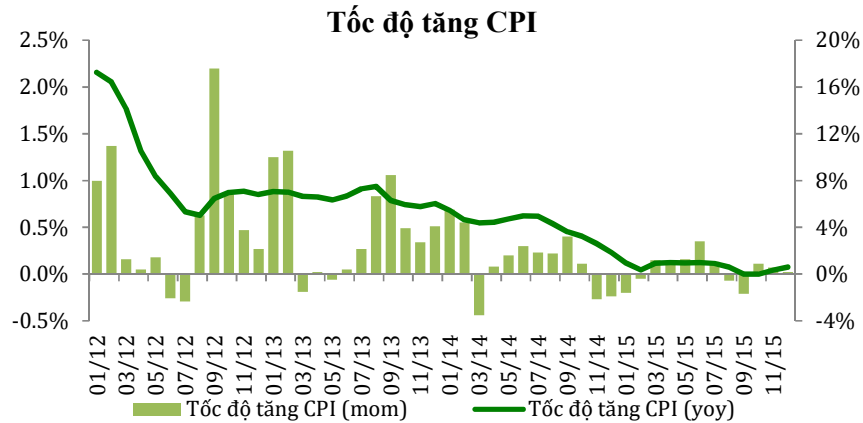
Như vậy, triển vọng tích cực của nền kinh tế sẽ làm giảm rủi ro kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và CTCP Thương Phú nói riêng.

❖ Rủi ro lạm phát

Lạm phát ở Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến phức tạp và biến động với biên độ khá lớn khiến cho giá cả nguyên vật liệu đầu vào cũng biến động bất thường, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ mức lạm phát 2 con số vào những năm trước 2012, Chính phủ đã có những chính sách điều hành để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, dẫn đến lạm phát đã giảm xuống chỉ còn 6,84% năm 2012; 6,04% năm 2013; 4,09% năm 2014. Đặc biệt tỷ lệ lạm phát cả năm 2015 ở mức 0,6%, thấp kỷ lục trong 15 năm trở lại đây.

Trong năm 2016, lạm phát kỳ vọng sẽ vẫn ở mức thấp với các lý do: (1) cung tiền được kiểm soát tốt trong suốt thời gian qua; (2) cầu tiêu dùng có sự phục hồi nhưng chưa bứt phá và tâm lý tiết kiệm chi tiêu của người dân khó có thể thay đổi trong bối cảnh nhiều rủi ro còn tồn tại, đặc biệt là từ phía thế giới; (3) triển vọng giá cả hàng hóa nguyên liệu trên thế giới vẫn ở mức thấp, đặc biệt là giá dầu thô; và (4) áp lực tăng CPI trong năm 2016 chủ yếu đến từ việc tăng giá của các mặt hàng dưới sự điều hành của Chính phủ như Điện, Nước, Y tế, Giáo dục,... Tỷ lệ lạm phát cả năm 2016 được dự báo vào khoảng 2,5%.

Lạm phát và kỳ vọng lạm phát thấp sẽ giúp cho mặt bằng lãi suất ổn định, hỗ trợ cho các kế hoạch sản xuất kinh doanh của các Công ty trong đó có CTCP Thương Phú.

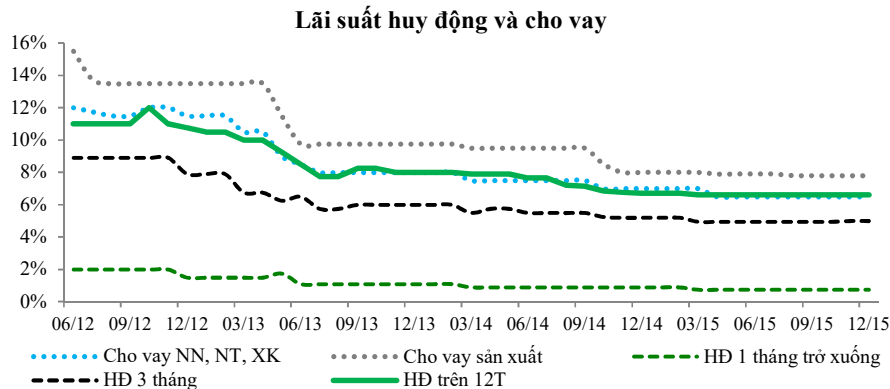


(Nguồn: CEIC, VCBS tổng hợp)

❖ Rủi ro lãi suất

Trong năm 2015, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay tương đối ổn định. Cùng chung xu hướng giảm của lãi suất huy động, lãi suất cho vay cũng giảm khoảng 0,3% - 0,5% so với cuối năm 2014.

Dự báo năm 2016, lãi suất sẽ chịu áp lực tăng do (1) sức ép từ rủi ro tỷ giá; (2) quyết định tăng lãi suất của FED; (3) lạm phát cao hơn đáng kể so với năm 2015 và (4) tăng trưởng tín dụng ở mức khá (16%). Dự báo trong năm 2016, lãi suất huy động sẽ chỉ tăng nhẹ tối đa 50 điểm cơ bản (0,5%) trong khi lãi suất cho vay thường có biến động sau lãi suất huy động khoảng vài tháng.



(Nguồn: CEIC, VCBS)

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi doanh nghiệp, một phần nguồn vốn được huy động từ nguồn vốn vay ngân hàng. Do đó, những biến động của lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Riêng đối với CTCP Thương Phú chủ yếu là vay nợ ngắn hạn, do vậy những diễn biến ngắn hạn của lãi suất cũng tác động mạnh lên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Rủi ro tỷ giá

Là một doanh nghiệp có nhiều hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu nên rủi ro về tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2015, tỷ giá bình quân liên ngân hàng ghi nhận 3 lần điều chỉnh tăng, lên mức 21.890 VND/USD. Theo đó, VND đã mất giá khoảng 5% so với USD trong năm 2015.

Bước sang năm 2016, NHNN đã chính thức áp dụng cơ chế điều hành mới với tỷ giá trung tâm hàng ngày được xác định dựa trên cơ sở tham chiếu (i) diễn biến tỷ giá bình quân gia quyền thị trường liên ngân hàng; (ii) diễn biến tỷ giá trên thị trường quốc tế của một số đồng tiền các nước có quan hệ thương mại, vay, trả nợ, đầu tư lớn với Việt Nam và (iii) cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ, mục tiêu chính sách tiền tệ. Như vậy, thay vì đưa ra cam kết rõ ràng về việc giữ ổn định tỷ giá như các năm trước, cơ chế điều hành tỷ giá mới theo hướng linh hoạt đã được áp dụng.

Để hạn chế tác động rủi ro biến động tỷ giá, Công ty hướng đến chiến lược đa dạng thị trường tiêu thụ. Đồng thời, Công ty kịp thời nắm bắt, phân tích nguyên nhân biến động tỷ giá, làm tốt công tác dự báo, trên cơ sở đó lựa chọn giải pháp quản lý rủi ro tỷ giá phù hợp, hạn chế đến mức thấp nhất tác động từ biến động tỷ giá, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

2. Rủi ro về luật pháp

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

CTCP Thương Phú hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, mọi sự thay đổi về chính sách quản lý cũng như sự thay đổi về các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp nói chung cũng như của các doanh nghiệp trong ngành luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Ngoài những rủi ro trên, hoạt động của Công ty cổ phần Thương Phú còn phải đối mặt với các rủi ro đặc thù như rủi ro về vùng nguyên liệu, rủi ro về thị trường, rủi ro về cạnh tranh...

❖ Rủi ro về vùng nguyên liệu

Nguyên liệu là một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định sản lượng và chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nông sản. Đối với một doanh nghiệp chế biến và kinh doanh sản phẩm cà phê, những rủi ro về vùng nguyên liệu là vấn đề đặc biệt quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty cổ phần Thương Phú luôn phải có những dự báo và phương án dự phòng tốt nhất để tránh rủi ro về vùng nguyên liệu có thể xảy ra ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Rủi ro về thị trường

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, chế biến và kinh doanh cà phê, vì vậy việc phải đối mặt với những rủi ro của thị trường là điều không tránh khỏi. Sản phẩm cà phê của Công ty trong những năm qua được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên thị trường thay đổi theo thời gian sẽ đòi hỏi doanh nghiệp phải có những nghiên cứu kịp thời về nhu cầu của thị trường và chất lượng sản phẩm. Vì vậy, Công ty luôn phải đối mặt

với những rủi ro cơ bản về giá thành xuất bán sản phẩm và thị trường xuất bán sản phẩm.... Để hạn chế những rủi ro này, Công ty đã và đang có chiến lược đa dạng thị trường tiêu thụ, mở rộng liên doanh, liên kết với các đơn vị phân phối lớn. Đồng thời, Công ty cũng liên tục có các nghiên cứu thị trường và phát triển chất lượng sản phẩm.

❖ **Rủi ro cạnh tranh**

Công ty đã và đang đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường trong nước và nước ngoài. Với nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và chế biến, xuất khẩu cà phê, ngoài việc tạo dựng được các mối quan hệ thân thiết với khách hàng và người nông dân Công ty đã xây dựng các chính sách bán hàng hợp lý, thích hợp với nhiều đối tượng khách hàng giúp công ty tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

4. Rủi ro tăng vốn nhanh

Trong năm 2015, Công ty thực hiện tăng vốn từ 20 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Việc phát hành cổ phiếu, huy động thêm vốn, mở rộng quy mô sẽ tạo điều kiện phát triển cho doanh nghiệp, tuy nhiên cùng với đó là rủi ro về quản trị công ty cũng tăng lên khi quy mô tăng lên.

Đặc biệt, rủi ro sẽ càng cao nếu công ty phát hành cổ phiếu nhưng không chuẩn bị những phương án về nhân sự và tổ chức lại sản xuất kinh doanh để thích ứng với phần vốn huy động thêm.





5. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

Công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu trong bối cảnh thị trường chứng khoán còn nhiều biến động. Việc biến động giá chứng khoán không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, mà còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác như hoạt động công bố thông tin, tình hình kinh tế vĩ mô, triển vọng chung của thị trường, kỳ vọng của nhà đầu tư cũng như quan hệ cung cầu trên thị trường. Đây đều là những yếu tố khách quan nằm ngoài sự chủ động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện Chính phủ cùng các cơ quan liên quan đang có những chính sách phát triển thị trường chứng khoán theo hướng bền vững và trở thành kênh huy động vốn hiệu quả cho các doanh nghiệp. Do đó, khi thị trường chung dần đi vào hoạt động một cách ổn định và minh bạch, Thương Phú sẽ có thêm nhiều lợi ích khi chủ động tham gia thị trường.

6. Rủi ro khác


Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã mua bảo hiểm rủi ro cho các tài sản như nhà xưởng, phương tiện vận tải và bảo hiểm con người.

PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức niêm yết****CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

 Ông Võ Quang Thành	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Ông Nguyễn Hữu Ái	Chức vụ: Tổng Giám đốc
 Ông Hồ Văn Tiến	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
 Bà Trần Ngọc Lan	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**


 Ông: Vũ Quang Đông	Chức vụ: Giám đốc
--	-------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết số 10/2016/VCBS-TVTCND ký ngày 14 tháng 03 năm 2016 với CTCP Thương Phú. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do CTCP Thương Phú cung cấp tại thời điểm tham gia lập bản cáo bạch.

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM








Từ, cụm từ	Ngữ nghĩa
<i>Công ty/Thương Phú</i>	: Công ty cổ phần Thương Phú
<i>VCBS/ Tổ chức tư vấn</i>	: Công ty TNHH Chứng khoán NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam
<i>BCTC</i>	: Báo cáo tài chính
<i>HĐQT</i>	: Hội đồng quản trị
<i>BKS</i>	: Ban Kiểm soát
<i>CBCNV</i>	: Cán bộ công nhân viên
<i>CĐNB</i>	: Cổ đông nội bộ
<i>CP</i>	: Cổ phần
<i>CTCP</i>	: Công ty cổ phần
<i>Công ty TNHH</i>	: Công ty trách nhiệm hữu hạn
<i>DTT</i>	: Doanh thu thuần
<i>LN</i>	: Lợi nhuận
<i>CSH</i>	: Chủ sở hữu
<i>TTS</i>	: Tổng tài sản
<i>Điều lệ Công ty</i>	: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thương Phú
<i>CNĐKDN</i>	: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
<i>ĐHĐCĐ</i>	: Đại hội đồng cổ đông
<i>HĐKD</i>	: Hoạt động kinh doanh
<i>LNST</i>	: Lợi nhuận sau thuế
<i>GDP</i>	: Tổng thu nhập quốc dân
<i>FDI</i>	: Đầu tư trực tiếp nước ngoài
<i>TNDN</i>	: Thu nhập doanh nghiệp
<i>GTGT</i>	: Giá trị gia tăng
<i>TSCĐ</i>	: Tài sản cố định
<i>UBCKNN</i>	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
<i>VSD</i>	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
<i>VĐL</i>	: Vốn điều lệ
<i>NHNN</i>	: Ngân hàng Nhà nước

PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Giới thiệu về công ty**

Tên tiếng Việt	:	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ
Tên tiếng Anh	:	THUONG PHU JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	THUONG PHU.,JSC
Logo	:	 THƯƠNG PHÚ
Trụ sở chính	:	Km 19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	:	0533.782 789
Fax	:	0533.782 789
Website	:	http://thuongphu.com.vn
Email	:	info@thuongphu.com.vn
Vốn điều lệ đăng ký	:	100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp	:	100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)
Giấy CNĐKDN số	:	3200474316 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 15 tháng 01 năm 2016.
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Nguyễn Hữu Ái – Tổng Giám đốc

Ngành nghề kinh doanh:

Căn cứ Giấy CNĐKDN số 3200474316 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 15 tháng 01 năm 2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

-  Trồng cây cà phê;
-  Trồng cây cao su;
-  Trồng cây lâu năm khác;
-  Bán buôn thực phẩm;
-  Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
-  Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
-  Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;

- ✚ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- ✚ Hoạt động cho thuê tài chính (cho thuê kho hàng, nhà xưởng);
- ✚ Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- ✚ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Bán buôn, bán lẻ phân bón);
- ✚ Bán buôn đồ uống;
- ✚ Đại lý (Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, đại lý ký gửi phân bón)
- ✚ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- ✚ Buôn bán chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Bán buôn nguyên vật liệu phục vụ ngành công nghiệp chế biến thức ăn gia súc, gia cầm);
- ✚ Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- ✚ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Bán buôn, bán lẻ hàng mỹ phẩm);
- ✚ Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- ✚ Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản;
- ✚ Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy;
- ✚ Bán buôn đồ dùng gia đình;
- ✚ Trồng trọt;
- ✚ Lập dự án đầu tư nông nghiệp, trồng trọt, chế biến nông lâm sản.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thương Phú thành lập vào ngày 25 tháng 10 năm 2010 theo Quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị với số đăng ký doanh nghiệp 3200474316. Công ty có hoạt động kinh doanh chính là chế biến cà phê thóc và cà phê nhân (Arabica). Sản phẩm của công ty chủ yếu tiêu thụ 90% ở thị trường trong nước và 10% là xuất khẩu sang nước ngoài thông qua ủy thác xuất khẩu. Công ty có trụ sở chính đặt tại Km 19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị. Hiện nay, Công ty đã đầu tư hệ thống nhà máy sản xuất và dây chuyền chế biến quả tươi đạt chất lượng cao trên tổng diện tích nhà máy là 13.142 m².

Năm 2015, Công ty bắt đầu hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con với việc sở hữu 96,7% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Nasan Việt Nam. Công ty cổ phần Nasan Việt Nam là doanh nghiệp chuyên sản xuất cà phê nhân Arabica và 100% sản phẩm của Nasan được xuất khẩu sang các thị trường Mỹ, Đức, Bỉ, Nhật... Việc sở hữu công ty con này sẽ giúp CTCP Thương Phú mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh tại các tỉnh phía Bắc và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Với cơ chế sản xuất cà phê gắn liền với người dân, vùng nguyên liệu, Công ty đã và đang đạt được niềm tin từ người dân, từ các đối tác trong nước và nước ngoài. Sau hơn 5 năm phát triển tại vùng nghèo của tỉnh Quảng Trị, Công ty đã hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế của vùng và tạo nguồn thu nhập ổn định cho các hộ dân trong vùng. Hiện tại, Công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp có lượng cà phê nhân Arabica sản xuất lớn và có chất lượng trong toàn

quốc. Ngoài ra, với việc sở hữu 96,7% vốn điều lệ của CTCP Nansan Việt Nam, CTCP Thương Phú đang hướng tới mục tiêu mở rộng hơn nữa thị trường nước ngoài.

Hiện nay, sản phẩm cà phê Arabica của Công ty đang chiếm tới 20% tổng sản lượng cà phê Arabica tại Huyện Hướng Hoá – Quảng Trị. Trong hai đến ba năm tới, Công ty dự tính tổng giá trị xuất khẩu cà phê Arabica của Công ty sẽ chiếm trên 40-50% tổng giá trị cà phê Arabica tại Huyện Hướng Hoá. Ưu thế vượt trội của cà phê Arabica Thương Phú nằm chính ở kỹ thuật quy trình chế biến cà phê ướt đã được nghiên cứu từ nhiều năm nay với điều kiện tự nhiên về đất đai, khí hậu thuận lợi cho việc phát triển cà phê cho năng suất cao và chất lượng tốt. Hiện tại với vốn điều lệ 100 tỷ đồng, Công ty đã có tiềm lực tài chính và đủ năng lực để hợp tác sản xuất với các doanh nghiệp nước ngoài.

1.3. Quá trình tăng vốn

Bảng 1: Bảng tóm tắt quá trình tăng vốn của Công ty

STT	Thời gian	Vốn thực góp trước khi tăng (đồng)	Vốn thực góp sau khi tăng (đồng)	Hình thức phát hành
1	Tháng 08/2012	3.000.000.000	20.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
2	Tháng 03/2015	20.000.000.000	32.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
3	Tháng 11/2015	32.000.000.000	100.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

➤ Lần 1: Phát hành tăng vốn từ 3.000.000.000 đồng lên 20.000.000.000 đồng

- **Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2012/TPG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/08/2012 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/2012/TPG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/08/2012 thông qua danh sách cổ đông đăng ký mua cổ phần, hình thức góp vốn, và phân phối số cổ phiếu không bán hết trong đợt phát hành;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 17/08/2012.

- **Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn thực góp trước khi phát hành : 3.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp sau khi phát hành : 20.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành : 1.700.000 cổ phần

- Giá phát hành : 10.000 đồng/cp
- Tổng giá trị phát hành : 17.000.000.000 đồng
- Số lượng người tham gia đợt phát hành : 03 người
- Vốn góp bằng tiền mặt : 17.000.000.000 đồng
- Ngày hoàn thành đợt phát hành : 15/08/2012

➤ **Lần 2: Phát hành tăng vốn từ 20.000.000.000 đồng lên 32.000.000.000 đồng**

• **Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2015/TPG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/03/2015 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ Công ty;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2015/TPG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/03/2015 thông qua danh sách cổ đông đăng ký mua cổ phần, hình thức góp vốn, và phân phối số cổ phiếu không bán hết trong đợt phát hành;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 thay đổi lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 25 tháng 05 năm 2015.

• **Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn thực góp trước khi phát hành : 20.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp sau khi phát hành : 32.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành : 1.200.000 cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cp
- Tổng giá trị phát hành : 12.000.000.000 đồng
- Vốn góp bằng tiền mặt : 6.000.000.000 đồng
- Vốn góp bằng tài sản (công trình kiến trúc trên đất và máy móc thiết bị) : 6.000.000.000 đồng
- Số lượng người tham gia đợt phát hành : 02 người
- Ngày hoàn thành đợt phát hành : 15/09/2015

➤ **Lần 3: Phát hành tăng vốn từ 32.000.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng**

• **Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2015/TPG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/10/2015 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/2015/TPG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/10/2015 thông qua danh sách cổ đông đăng ký mua cổ phần, hình thức góp vốn, và phân phối số cổ phiếu không bán hết trong đợt phát hành;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 04 tháng 12 năm 2015.

- **Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn thực góp trước khi phát hành : 32.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp sau khi phát hành : 100.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành : 6.800.000 cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cp
- Tổng giá trị phát hành : 68.000.000.000 đồng
- Vốn góp bằng tiền mặt : 10.000.000.000 đồng
- Vốn góp bằng cổ phần sở hữu tại CTCP Nasan Việt Nam của cổ đông : 58.000.000.000 đồng
- Số lượng người tham gia đợt phát hành : 03 người
- Ngày hoàn thành đợt phát hành : 08/12/2015

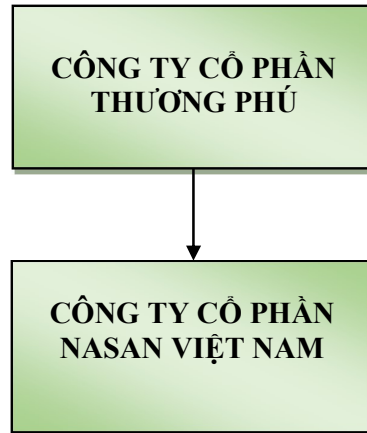
- ❖ **Phương án sử dụng số tiền thu được từ các đợt tăng vốn:**

Bảng 2: Phương án sử dụng tiền từ các lần tăng vốn

STT	Lần tăng vốn	Phương án sử dụng tiền	Giá trị (đồng)
1	Lần 1	Bổ sung vốn lưu động	13.000.000.000
		Mua sắm tài sản cố định	4.000.000.000
2	Lần 2	Bổ sung vốn lưu động	6.000.000.000
3	Lần 3	Bổ sung vốn lưu động	10.000.000.000

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



❖ **Trụ sở chính theo Giấy CNĐKKD**

- Địa chỉ: Km 19, Thôn Cọp, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, Quảng Trị.
- Điện thoại: 0533 782789
- Website: <http://thuongphu.com.vn/>
- Email: info@thuongphu.com.vn

❖ **Công ty con:**

Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam

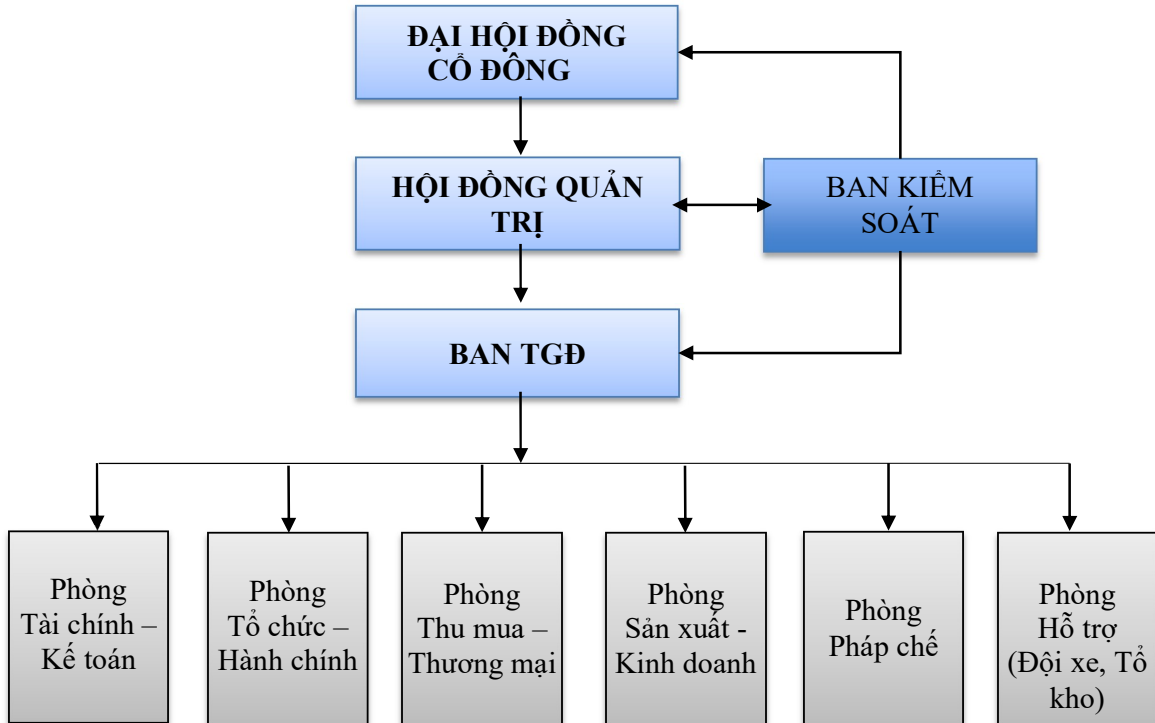
- Địa chỉ¹: Km 14 đường Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Hà Nội.
- Điện thoại: 04.62949748
- Website: <http://nasan.com.vn/>

¹ Hiện tại Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam đang làm thủ tục thay đổi địa chỉ trụ sở của Công ty về địa chỉ Nhà máy của Công ty tại Xóm Lập Thành, xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai, Hà Nội.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

3.1. Sơ đồ tổ chức

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



(Nguồn: CTCP Thương Phú)

3.2. Diễn giải sơ đồ

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan quy định. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Quyết định số Thành viên HĐQT;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.
- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay như sau:

▪ Ông Võ Quang Thành	Chủ tịch HĐQT
▪ Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên HĐQT
▪ Ông Nguyễn Bá Nam	Thành viên HĐQT
▪ Ông Hồ Văn Tiến	Thành viên HĐQT
▪ Ông Nguyễn Xuân Thuý	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.
- Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay như sau:

- | | |
|--------------------|------------|
| ▪ Bà Trần Ngọc Lan | Trưởng ban |
| ▪ Ông Võ Văn Long | Thành viên |
| ▪ Ông Võ Ngọc Bằng | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.
- Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

▪ Ông Nguyễn Hữu Ái	Tổng Giám đốc
▪ Ông Nguyễn Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc

Chức năng các phòng ban***Phòng Tài chính – Kế toán***

Phòng Tài chính – Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Thực hiện những công việc về nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán;
- Theo dõi, phản ánh sự vận động vốn kinh doanh của Công ty dưới mọi hình thái và có vấn Ban lãnh đạo các vấn đề liên quan;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ qua từng thời kỳ trong hoạt động kinh doanh;
- Cùng với các bộ phận khác tạo nên mạng lưới thông tin quản lý năng động, hiện hữu;

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về công tác Tài chính Kế toán; công tác quản lý, sử dụng vốn;
- Phân tích đánh giá, tài chính của các dự án, công trình trước khi lãnh đạo Công ty quyết định;
- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về nguồn vốn và giá dự toán làm cơ sở ký kết các hợp đồng với đối tác;
- Thu thập và xử lý thông tin có liên quan đến nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong Công ty;
- Đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thu hồi vốn nhanh chóng tránh tình trạng bị chủ đầu tư, khách hàng chiếm dụng vốn;
- Quản lý, theo dõi nguồn vốn của Công ty trong các liên doanh công trình;
- Giữ bí mật về số liệu kế toán, tài chính và bí mật kinh doanh của công ty;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong quá trình đề xuất các chế độ thi đua khen thưởng, kỷ luật và nâng bậc lương đối với cán bộ, nhân viên của Công ty;
- Thực hiện một số chức năng khác khi được Tổng Giám đốc giao.

Phòng Tổ chức – Hành chính

Phòng Tổ chức – Hành chính có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty;
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được Nhà nước ban hành;
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại;
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Phòng Thu mua – Thương mại

- Phòng Thu mua – Thương mại chịu trách nhiệm cung ứng về số lượng và sản lượng nguồn nguyên liệu đầu vào;
- Kết nối các nhóm hộ dân, các vùng nguyên liệu cà phê;
- Hỗ trợ phát triển mạng lưới đại lý thu gom;
- Chịu trách nhiệm lên phương án mua nguyên liệu tại các vùng trồng cà phê.

Phòng Sản xuất - Kinh doanh

Phòng Sản xuất Kinh doanh có các nhiệm vụ: Tổ chức xây dựng các kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng quản trị cũng như Ban Tổng Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch sản xuất kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Tổng Giám đốc xem xét phê duyệt.

Bộ phận sản xuất: Chịu trách nhiệm sản xuất các sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn và cung cấp đầy đủ sản phẩm theo kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Phòng Pháp chế

- Tham mưu, tư vấn và chịu trách nhiệm trước HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đảm bảo các quy định, văn bản nội bộ của công ty phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành;
- Trực tiếp hoặc cho ý kiến hoặc phối hợp với các phòng, ban chức năng xây dựng văn bản, quy chế quản lý nội bộ của công ty cũng như trong việc xử lý những vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh;
- Tư vấn cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc lựa chọn phương án đầu tư và chủng loại hợp đồng phù hợp để thực hiện phương án đầu tư với đối tác, khách hàng;
- Tham gia đàm phán, trực tiếp soạn thảo hoặc tham gia soạn thảo các hợp đồng trong hoạt động kinh doanh;
- Thu thập các tài liệu, chứng cứ pháp lý, phối hợp với các phòng ban chức năng để bảo vệ quyền lợi của công ty trong doanh với khách hàng và đối tác. Xử lý và quản lý những vấn đề phát sinh liên quan đến pháp lý trong quá trình thực hiện hợp đồng. Thẩm tra tính pháp lý của hợp đồng khi cần thiết;
- Tham mưu, tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc trong việc giải quyết các vướng mắc, đơn thư khiếu nại, tố cáo của người các tranh chấp về dân sự, kinh doanh, lao động, hành chính, thu hồi nợ;
- Đầu mối quan hệ với các tổ chức, chuyên gia tư vấn pháp luật cho công ty;
- Phối hợp với các phòng, ban trong công tác quan hệ cổ đông;
- Cập nhật, đào tạo, tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật mới của Nhà nước và Nội quy, quy chế của Công ty cho người lao động.

Phòng Hỗ trợ**Tổ kho**

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty trong công tác tồn trữ, bảo quản máy móc, thiết bị;
- Tổ chức thực hiện triển khai các kế hoạch xuất nhập hàng;

- Quản lý hàng hóa về cả số lượng và chất lượng; Thống kê và báo cáo về tình hình hàng tồn kho của Công ty cho Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan;
- Sắp xếp, bảo quản hàng hóa và kiểm soát các điều kiện bảo quản;
- Đảm bảo trật tự, an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại nơi làm việc.

Đội xe

- Phục vụ vận chuyển vật liệu, vật dụng, tài sản, ... theo yêu cầu của Công ty;
- Quản lý các phương tiện vận tải, xe đưa đón cán bộ nhân viên của Công ty;
- Theo dõi các phương tiện, thực hiện bảo dưỡng và sửa chữa, phát hiện kịp thời trục trặc, hỏng hóc để sửa chữa và thay thế, đảm bảo các phương tiện luôn hoạt động tốt;
- Xây dựng các tiêu chuẩn định mức khấu hao nhiên liệu, phụ tùng...; Thống kê và báo cáo với Ban Tổng Giám đốc;

4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 01/04/2016

4.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến thời điểm ngày 01/04/2016

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 01/04/2016

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	109	10.000.000	100.000.000.000	100%
	- Cá nhân	109	10.000.000	10.000.000.000	100%
	- Tổ chức	0	0	0	0%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
	- Cá nhân	0	0	0	0%
	- Tổ chức	0	0	0	0%
Tổng cộng		109	10.000.000	100.000.000.000	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương Phú)

4.2. Cổ đông sáng lập tại ngày 01/04/2016

Công ty Cổ phần Thương Phú đã đi vào hoạt động theo Giấy CNĐKDN số 3200474316 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đến thời điểm hiện nay mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 01/04/2016

Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 01/04/2016

T	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND	Số cổ phần sở hữu	Giá trị sở hữu (tính theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Nguyễn Thị Thủy	627, tổ 70, P.Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà nội	012928856	1.500.000	15.000.000.000	15%
Tổng cộng:				1.500.000	15.000.000.000	15%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương Phú)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.

5.1 Danh sách công ty mẹ

Không có.

5.2 Danh sách công ty con

Tên công ty: Công ty cổ phần Nasan Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0106565842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/06/2014, thay đổi lần thứ 3 ngày 06/10/2015.

Địa chỉ: Km 14 đường Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Điện thoại: 04.629.49748

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của CTCP Thương Phú: 58.000.000.000 đồng

Số cổ phiếu CTCP Thương Phú nắm giữ: 5.800.000 cổ phiếu

Tỷ lệ nắm giữ: 96,7%

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và chế biến cà phê nhân.

5.3 Danh sách công ty liên kết

- Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất cà phê. Hiện tại, các sản phẩm sản xuất của công ty bao gồm:

- Nhóm 1: Cà phê Arabica đã qua công đoạn chế biến ướt, sàng lọc, làm bóng và phân loại màu (đây là mặt hàng sản xuất kinh doanh chủ yếu).

- Nhóm 2: Cà phê Robusta đã qua công đoạn chế biến khô (một phần chế biến ướt), sàng lọc, đánh bóng và phân loại màu.

Trên 90% sản phẩm của CTCP Thương Phú (công ty mẹ) tiêu thụ ở thị trường trong nước, 10% tiêu thụ thị trường nước ngoài qua việc ủy thác xuất khẩu. Đặc điểm nổi bật của cà phê Thương Phú là cà phê có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu về chất lượng khắt khe của thị trường trong nước và nước ngoài.

Một số sản phẩm của Công ty:

Cà phê Arabica – thành phẩm



Cà phê Arabica – Thóc khô



Cà phê Arabica – Nhân xô



Cà phê Arabica – Thu hái



Cà phê Arabica – Quả chín



Cà phê Arabica



6.2. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận qua các năm

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm năm 2014 - 2015, Quý I/2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Tỷ trọng / DTT (%)	Năm 2015	Tỷ trọng / DTT (%)	Quý I/ Năm 2016	Tỷ trọng / DTT (%)
A. Chỉ tiêu công ty mẹ							
1	Cà phê nhân	3.963.620	0,01	795.544.000	0,91	-	-
2	Cà phê thóc	45.758.816.079	99,99	80.274.500.000	92,24	20.057.500.000	100
3	Tinh bột sắn	-	-	5.960.000.000	6,85	-	-
Tổng cộng		45.762.779.699	100	87.030.044.000	100	20.057.500.000	100
B. Chỉ tiêu hợp nhất							
1	Cà phê nhân	3.963.620	0,01	20.946.653.442	19,54	36.838.587.045	64,75
2	Cà phê thóc	45.758.816.079	99,99	80.274.500.000	74,90	20.057.500.000	35,25
3	Tinh bột sắn	-	-	5.960.000.000	5,56	-	-
Tổng cộng		45.762.779.699	100	107.181.153.442	100	56.896.087.045	100

(Nguồn: Số liệu Công ty cung cấp và BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2015 và BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2016 của Công ty)

Đối với chỉ tiêu của Công ty mẹ: Doanh thu thuần của Công ty mẹ có sự tăng trưởng tốt trong giai đoạn 2014 – 2015. Doanh thu thuần năm 2015 đạt 87,03 tỷ đồng, tăng 90,19% so với năm 2014, nguyên nhân là do trong năm 2015, Công ty tiến hành tăng vốn nên đã mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng doanh thu. Trong cơ cấu doanh thu năm 2014 và 2015 của công ty mẹ, mặt hàng cà phê thóc luôn chiếm tỷ trọng cao (99,99% năm 2014 và 92,24% năm 2015). Bên cạnh đó năm 2015, công ty kinh doanh thương mại thêm tinh bột sắn nhằm tăng thêm doanh thu và lợi nhuận cho công ty, doanh thu mặt hàng này đạt 5,96 tỷ đồng (chiếm 6,84% trên tổng doanh thu). Từ đầu năm 2016 công ty đã tạm dừng các hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan đến mặt hàng nông sản khác (sắn), do mặt hàng này kinh doanh không có lãi và Công ty tập trung chuyên môn hoá sản xuất. Trong quý I/2016, 100% doanh thu của Công ty mẹ đến từ hoạt động sản xuất cà phê thóc (đạt 20,057 tỷ đồng).

Đối với chỉ tiêu hợp nhất: Từ năm 2015, Công ty cổ phần Thương Phú mới sở hữu 96,76% vốn điều lệ của CTCP Nasan Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Doanh thu năm 2015 của công ty hợp nhất đạt 107,18 tỷ đồng, tăng 134,2% so với năm 2014, trong đó doanh thu từ mặt hàng cà phê thóc đạt 80,27 tỷ đồng (tăng 75,43% so với năm 2014), đây toàn bộ là doanh thu của công ty mẹ. Mặt hàng cà phê nhân do Công ty cổ phần Nasan Việt Nam chuyên môn hóa sản xuất và kinh doanh. Công ty con sản xuất cà phê nhân để xuất khẩu nên từ

năm 2015 doanh thu hợp nhất cả phê nhân của Công ty được tăng lên từ 3,96 triệu đồng năm 2014 lên mức 20,94 tỷ đồng năm 2015. Trong cơ cấu doanh thu của công ty hợp nhất năm 2015, cà phê nhân chiếm 19,54%, cà phê thóc chiếm 74,90%, tinh bột sắn chiếm 5,56%. Quý I/2016, doanh thu của Công ty đạt trên 56 tỷ (trong đó có 36,8 tỷ đồng doanh thu từ cà phê nhân của Công ty con và 20,057 tỷ đồng doanh thu từ cà phê thóc của Công ty mẹ)

❖ **Cơ cấu lợi nhuận gộp**

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm năm 2014 và năm 2015, Quý I/2016

Đơn vị tính: đồng

S T T	Chỉ tiêu	Năm 2014	Tỷ trọng /DTT (%)	Năm 2015	Tỷ trọng /DTT (%)	Quý I/ Năm 2016	Tỷ trọng /DTT (%)
A. Chỉ tiêu công ty mẹ							
1	Cà phê nhân	823.620	0,002	1.327.264	0,002	-	-
2	Cà phê thóc	1.244.058.459	2,718	9.150.878.791	10,515	2.509.122.766	12,51
3	Tinh bột sắn	-	-	(902.802.573)	-	-	-
Tổng cộng		1.244.882.079	2,72	8.249.403.482	9,479	2.509.122.766	12,51
B. Chỉ tiêu hợp nhất							
1	Cà phê nhân	823.620	0,00	3.170.445.956	1,067	1.202.905.004	2,11
2	Cà phê thóc	1.244.058.459	2,72	9.150.878.791	9,888	2.509.122.766	4,41
3	Tinh bột sắn	-	-	(902.802.573)	-	-	-
Tổng cộng		1.244.882.079	2,72	11.418.522.174	10,653	3.712.027.770	6,52

(Nguồn: Số liệu Công ty cung cấp và BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2015 và BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2016 của Công ty)

Đối với chỉ tiêu của Công ty mẹ: Năm 2015, tổng lợi nhuận gộp của công ty mẹ đạt 8,25 tỷ đồng, gấp 6,63 lần so với năm 2014, trong đó lợi nhuận gộp của cà phê thóc chiếm 110,93% tổng lợi nhuận gộp (Hoạt động kinh doanh nông sản của công ty bị lỗ do giá nông sản giảm sâu). Tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2015 của công ty mẹ đạt 9,479%, trong khi đó tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2014 là 2,72%. Có sự gia tăng mạnh biên lợi nhuận gộp và lợi nhuận gộp này là do giá cà phê Arabica đầu vào giảm mạnh so với năm 2014, đẩy tỷ suất lợi nhuận gộp từ mặt hàng cà phê thóc từ mức 2,72% năm 2014 lên mức 10,51% năm 2015. Trong năm 2015 Công ty còn kinh doanh thêm mặt hàng tinh bột sắn, tuy nhiên hoạt động này chưa mang lại hiệu quả kinh doanh và đang bị lỗ 902,8 triệu đồng. Quý I/2016, lợi nhuận gộp của Công ty mẹ đạt khoảng 2,5 tỷ đồng trong đó 100% đến từ hoạt động sản xuất cà phê thóc.

Đối với các chỉ tiêu hợp nhất: Từ tháng 11/2015, Công ty mới sở hữu 99,67% vốn điều lệ của CTCP Nasan Việt Nam. Tổng lợi nhuận gộp năm 2015 của công ty hợp nhất đạt 11,42 tỷ đồng, gấp 9,21 lần so với năm 2014. Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2015 của công ty hợp nhất gồm 3,17 tỷ

lợi nhuận đến từ cà phê nhân; 9,15 tỷ lợi nhuận đến từ cà phê thóc và hoạt động tinh bột sắn đang bị lỗ 0,9 tỷ. Tỷ suất lợi nhuận gộp của công ty hợp nhất năm 2015 đạt 10,65%, trong khi tỷ suất lợi nhuận gộp của công ty mẹ năm 2015 là 9,48%. Lý do của sự gia tăng tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2015 của công ty hợp nhất do có sự đóng góp lợi nhuận từ hoạt động xuất khẩu cà phê nhân của công ty con (chiếm gần 28% tổng lợi nhuận gộp).

Trong hoạt động sản xuất chung của toàn công ty quý I/2016, lợi nhuận gộp từ sản xuất cà phê nhân và cà phê thóc tương ứng là 1,2 tỷ đồng và 2,5 tỷ đồng. Với lợi nhuận gộp hợp nhất quý I/2016 đạt 3,7 tỷ, công ty đã đạt được 30% kế hoạch lợi nhuận của cả năm 2016. Tỷ suất lợi nhuận gộp cà phê nhân của công ty con trong quý I/2016 giảm so với năm 2015 là do chênh lệch giữa giá cà phê đầu vào năm 2016 so với năm 2015 cao hơn chênh lệch giá cà phê đầu ra. Ngoài ra, Công ty con tập trung, chuyên môn hóa sản xuất sản phẩm chính là cà phê nhân vì vậy tỷ suất lợi nhuận gộp/DTT cà phê nhân của công ty con lớn hơn công ty mẹ.

6.3. Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào

Nguyên vật liệu của công ty bao gồm các loại:

Với các sản phẩm mà Công ty sản xuất và cung cấp cho thị trường, nguồn nguyên vật liệu gồm có:

- ✓ **Cà phê quả tươi:** dùng để sản xuất cà phê thóc và cà phê nhân Arabica các loại.

Nguyên liệu đầu vào đóng vai trò quan trọng quyết định tới chất lượng sản phẩm của Công ty, do đó Công ty luôn lựa chọn nguyên liệu tốt nhất để cho ra các thành phẩm có chất lượng cao. Yêu cầu đối với cà phê quả tươi là việc thu hái phải đúng tầm chín, để có cà phê chất lượng cao nhất thiết phải lựa chọn quả chín đỏ hay vừa chín tới, không được thu hoạch quả xanh, quả sâu, quả lép, quả chín khô trên cây. Quy trình tốt nhất là phải xát vỏ ngay sau khi thu hái, do đó cà phê quả tươi của Công ty chủ yếu được mua tại vùng nguyên liệu nơi đặt các nhà máy chế biến của công ty để đảm bảo chất lượng tốt nhất cũng như giảm thiểu chi phí trong quá trình sản xuất.

Công ty có 2 nhà máy chế biến: nhà máy thứ nhất (thuộc công ty mẹ) đặt tại Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Hướng Hóa, Quảng Trị và nhà máy thứ hai (trực thuộc công ty con) đặt tại Quốc Oai, Hà Nội. Nguồn cung cấp cà phê cho nhà máy 1 là vùng trồng cà phê Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, đây là tiểu vùng khí hậu rất thích hợp với cây cà phê Catimor và hiện toàn huyện Hướng Hóa có khoảng trên 5.000 ha cà phê Arabica. Nguồn nguyên liệu cung cấp cho nhà máy của Công ty con là vùng nguyên liệu cà phê từ các tỉnh phía Bắc như Sơn La (Sơn La có khoảng 3.500 ha cà phê, trong đó có hơn 2.500 ha đang khai thác, sản lượng 3.500 tấn/năm được trồng tập trung chủ yếu ở Chiềng Ban, Chiềng Mung (huyện Mai Sơn), Hua La, Chiềng Đen (Tp Sơn La), Chiềng Pha, Tòng Cọ (huyện Thuận Châu)).

Với 02 (hai) nhà máy được đặt tại hai vùng trồng cà phê rộng lớn, Công ty đã và đang đạt được nhiều kết quả tốt. Số lượng người dân kết nối và cung cấp đầu vào cho Công ty ngày càng nhiều. Đặc biệt trong năm 2015, được sự hỗ trợ của tổ chức Phát triển Hà Lan, Công ty Cổ phần Thương Phú đã và đang ký kết thu gom trực tiếp cà phê cho người dân tại tỉnh Quảng Trị. Với hướng phát triển bền vững, Công ty sẽ là nguồn thu mua đảm bảo cho người dân với giá thành cao, và giúp người dân cải thiện được chất lượng quả cà phê thu hái.

- ✓ **Các nguyên liệu bao bì, than sáy:** Bao bì đựng thành phẩm và than dùng sấy cà phê thóc ướt đạt tiêu chuẩn sản phẩm khách hàng chấp nhận.

Cà phê tươi sau khi được sơ chế thành cà phê nguyên liệu được đựng trong bao tải đay kích thước 70 cm x 110 cm, để đảm bảo được chất lượng cà phê và hạt không bị dập nát.

Công ty sử dụng máy sấy trồng quay để sấy cà phê với nguyên liệu sấy là than đá, ưu điểm của công nghệ sấy là hiệu quả và tiết kiệm năng lượng do đó lượng than đá tiêu thụ cũng tiết kiệm hơn so với các công nghệ khác. Than được nhập trực tiếp từ các nhà cung cấp và phân phối trong khu vực, hơn nữa đây cũng là nguyên liệu phổ biến do đó nguồn cung cấp khá ổn định.

Đối với các sản phẩm của Công ty, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành, do đó sự biến động trong giá của nguyên vật liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng đến doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty. Để ổn định nguồn nguyên vật liệu đầu vào, Công ty thường chủ động thu thập thông tin, cập nhật thường xuyên từ đối tác và lên kế hoạch thu mua các loại nguyên vật liệu có khả năng tăng giá để hạn chế đến mức thấp nhất việc tăng giá đầu vào.

Danh sách các nhà cung cấp chính:

Bảng 7: Danh sách các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính

STT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm
1	Phan Cảnh Tuấn	Đại lý thu mua – Hương Phùng – Hương Hoá – Quảng Trị	Cà phê quả tươi
2	Trần Văn Xuân	Đại lý thu mua – Hương Phùng – Hương Hoá – Quảng Trị	Cà phê quả tươi
3	Trần Thanh Phong	Đại lý thu mua – Hương Phùng – Hương Hoá – Quảng Trị	Cà phê quả tươi
4	Hoàng Văn Dũng	Đại lý thu mua – Hương Phùng – Hương Hoá – Quảng Trị	Cà phê quả tươi
5	Lê Văn Sơn	Đại lý thu mua – Hương Phùng – Hương Hoá – Quảng Trị	Cà phê quả tươi
6	Cao Văn Giang	Đại lý thu mua – Hương Phùng – Hương Hoá – Quảng Trị	Cà phê quả tươi
7	Trần Văn Quân	Đại lý thu mua – Hương Phùng – Hương Hoá – Quảng Trị	Cà phê quả tươi
8	Trần Văn Hóa	Đại lý thu mua – Hương Phùng – Hương Hoá – Quảng Trị	Cà phê quả tươi
9	Phan Văn Hòa	Đại lý thu mua – Hương Phùng – Hương Hoá – Quảng Trị	Cà phê quả tươi
10	Nguyễn Đức Đảo	Đại lý thu mua – Hương Phùng – Hương Hoá – Quảng Trị	Cà phê quả tươi

11	Nguyễn Văn Tân	Đại lý thu mua – Tân Pun – Hướng Phùng – Hướng Hoá – Quảng Trị	Cà phê quả tươi
12	Hồ Văn Tuấn	Đại lý thu mua – Tân Pun – Hướng Phùng – Hướng Hoá – Quảng Trị	Cà phê quả tươi
13	Hồ Thị Bắc	Đại lý thu mua – Còi Nòi – Mai Sơn – Sơn La	Cà phê thóc
14	Quàng Văn Hồng	Đại lý thu mua – Bản Hôm – Chiềng Cọ – Sơn La	Cà phê thóc
15	Vũ Văn Càng	Đội 7 – Sơn La	Cà phê thóc
15	Công ty cổ phần NN Sao Xanh	Khu Đô Thị Splendora – An Khánh – Hoài Đức – Hà Nội	Cà phê thóc
16	Công ty cổ phần GAP Việt Nam	Hoàng Ngọc Phách – Láng Hạ – Đống Đa – Hà Nội	Cà phê thóc, Tinh bột sắn
17	Công ty TNHH Khoáng sản Hợp Phát	Nhị Chiều – Hải Dương	Than
18	Công ty Điện lực Quảng Trị	Khe Xanh – Hướng Phùng – Hướng Hóa – Quảng Trị	Tiền điện
19	Xưởng chế biến cà phê hộ gia đình Trần Bá Hùng	Thôn Cọp – Hướng Phùng – Hướng Hóa – Quảng Trị	Cà phê thóc
20	Doanh nghiệp tư nhân Tiên Đại	Lô B2, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Tiến Phong, TP Thái Bình	Bao Bì

(Nguồn: Công ty cổ phần Thương Phú)

Sự ổn định của nguồn cung cấp:

✓ Với nguyên liệu là cà phê quả tươi:

Công ty Cổ phần Thương Phú là một công ty được xây dựng và sản xuất chế biến cà phê gắn liền với các vùng nguyên liệu. Năm 2015, tổ chức Phát triển Hà Lan (SNV) đã hỗ trợ công ty xây dựng sự gắn kết trực tiếp giữa người dân và công ty. Tổ chức SNV và Công ty đã ký thỏa thuận hợp tác “Xây dựng mô hình kinh doanh cùng người nghèo trong chuỗi giá trị cà phê” trong khuôn khổ dự án Cải thiện điều kiện kinh tế của các hộ gia đình dân tộc thiểu số tại huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị (mã dự án-Số ION 1110963). Mục tiêu của dự án là xây dựng/củng cố mối quan hệ hợp tác giữa Công ty và người nông dân trồng cà phê trong địa bàn huyện Hướng Hoá; xây dựng/nâng cấp phát huy các sáng kiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê do người dân sản xuất cũng như nâng cao sản phẩm đầu ra của Công ty.

Công ty luôn đảm bảo được nguồn nguyên liệu cung cấp. Cà phê quả tươi nguyên liệu của Công ty chủ yếu được mua tại vùng nguyên liệu nơi đặt nhà máy chế biến tại huyện Hướng Hóa, Quảng Trị đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty khá ổn định. Ngoài ra, với hệ thống sản xuất phát triển Công ty đã và đang thu mua cà phê tại các tỉnh phía Bắc (Sơn La, Điện Biên) nhằm đáp ứng được nhu cầu xuất khẩu hạt cà phê cho các đối tác nước ngoài.

Công ty còn chủ động dự báo trước sản lượng của mùa vụ theo thời tiết và tình hình các năm giúp đưa ra các giải pháp đảm bảo nguyên liệu sản xuất khi mất mùa. Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương và người dân ứng dụng các kỹ thuật trồng mới nhất và công nghệ thu hái hiệu quả tạo ra vùng nguyên liệu chuyên cung cấp chất lượng, hiệu quả và ổn định.

✓ **Với các nguyên liệu khác như bao bì và than đá:**

Công ty đã chủ động ký các hợp đồng cung cấp thời hạn dài với các đối tác uy tín, đây đều là các nguyên vật liệu phổ biến hơn nữa Công ty còn có các đối tác lâu năm chuyên cung cấp do đó đem lại sự ổn định của các nguồn này. Bao bì được nhập từ Doanh nghiệp tư nhân Tiến Đại (Lô B2, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Tiền Phong, TP Thái Bình). Nguồn nguyên liệu than đá được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hợp Phát.

6.4. Cơ cấu chi phí

Quản trị chi phí sản xuất là vấn đề mà Công ty cổ phần Thương Phú quan tâm nhất trong quá trình hoạt động của mình. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất và xuất khẩu cà phê thóc và cà phê nhân, do đó chi phí chủ yếu của Công ty là các chi phí nguyên liệu (mua cà phê tươi), chi phí bao bì, than đá và chi phí nhân công.

Bảng 8: Tỷ trọng chi phí của Công ty năm 2014 và năm 2015, Quý I/2016

Đơn vị tính: đồng

S T T	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Quý I/2016	
		Giá trị	Tỷ lệ/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ/ DTT (%)
A. Chỉ tiêu công ty mẹ							
1	Giá vốn hàng bán	44.517.897.620	97,28	78.780.640.518	90,52	17.348.500.000	87,49
2	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	
3	Chi phí QLDN	1.543.349.865	3,37	876.871.216	1,01	138.650.570	0,69
4	Chi phí tài chính	272.670.914	0,60	668.162.820	0,77	158.923.243	0,79
Tổng cộng		46.333.927.399	101,2	80.325.674.554	92,30	17.845.951.047	88,97
B. Chỉ tiêu hợp nhất							
1	Giá vốn hàng bán	44.517.897.620	97,28	95.762.631.268	89,35	53.184.059.275	93,48
2	Chi phí bán hàng	-	-	233.565.769	0,22	246.996.799	0,43

3	Chi phí QLDN	1.543.349.865	3,37	3.460.179.921	3,23	359.943.906	0,63
4	Chi phí tài chính	272.670.914	0,60	782.529.836	0,73	296.349.216	0,52
Tổng cộng		46.333.918.399	101,2	100.238.906.794	93,52	54.087.349.196	96,05

(Nguồn: Số liệu Công ty cung cấp và BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2015 và BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2016 của Công ty)

Với quy mô doanh thu tăng trưởng mạnh qua các năm, tổng chi phí sản xuất của Công ty mẹ cũng tăng từ 46,33 tỷ đồng năm 2014 lên 80,32 tỷ đồng năm 2015 và tổng chi phí sản xuất của công ty hợp nhất tăng từ 46,33 tỷ đồng năm 2014 lên 100,24 tỷ đồng năm 2015. Trong cơ cấu chi phí của Công ty, chi phí giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao nhất. Do vậy biến động của giá cả hàng hóa đầu vào sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2014, giá cả phê trong nước cùng với giá cả phê thế giới có nhiều biến động khiến cho các doanh nghiệp sản xuất cà phê như Công ty gặp nhiều khó khăn trong quản trị chi phí đầu vào. Năm 2014, công ty đã nhập một lượng lớn cà phê với giá cao mà thành phẩm bán ra trong năm có giá tương đối thấp, do đó tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu rất cao, kết quả kinh doanh không tốt (tổng chi phí năm 2014 cao hơn doanh thu).

Năm 2015, ở cả công mẹ và công ty hợp nhất tổng chi phí kinh doanh của Công ty/ Doanh thu thuần đều giảm mạnh so với năm 2014 (cụ thể ở công ty mẹ giảm từ 101,2% năm 2014 xuống 92,3% năm 2015; ở công ty hợp nhất giảm từ 101,25% năm 2014 xuống 93,52% năm 2015). Giá cả phê đầu vào năm 2015 giảm so với năm 2014 và công ty tăng cường sản xuất những mặt hàng cà phê có chất lượng cao hơn để bán ở mức giá tốt hơn dẫn đến chi phí giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần giảm tương đối mạnh, khiến cho tổng chi phí sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần giảm so với năm 2014. Chính vì điều này nên tỷ suất lợi nhuận gộp của công ty đã được cải thiện trong năm 2015. Về chi phí bán hàng, Công ty mẹ thực hiện bán hàng tại kho, các chi phí liên quan tới bán hàng do bên mua chịu do vậy công ty không phát sinh chi phí bán hàng.

Quý I/2016, đối với chỉ tiêu Công ty mẹ, do tỷ trọng giá vốn hàng bán/DTT giảm mạnh so với năm 2015 nên tổng chi phí/DTT giảm mạnh so với năm 2015. Tuy nhiên đối với chỉ tiêu hợp nhất, mặc dù chi phí quản lý/DTT giảm nhưng chi phí giá vốn hàng bán/DTT lại tăng mạnh nên tổng chi phí/DTT tăng so với năm 2015. Chi phí quản lý doanh nghiệp hợp nhất năm 2015 tăng đột biến là do chỉ tiêu này bao gồm cả khoản lợi thế thương mại (2.427.260.189 đồng) theo quy định tại Điều khoản Thông tư 200.

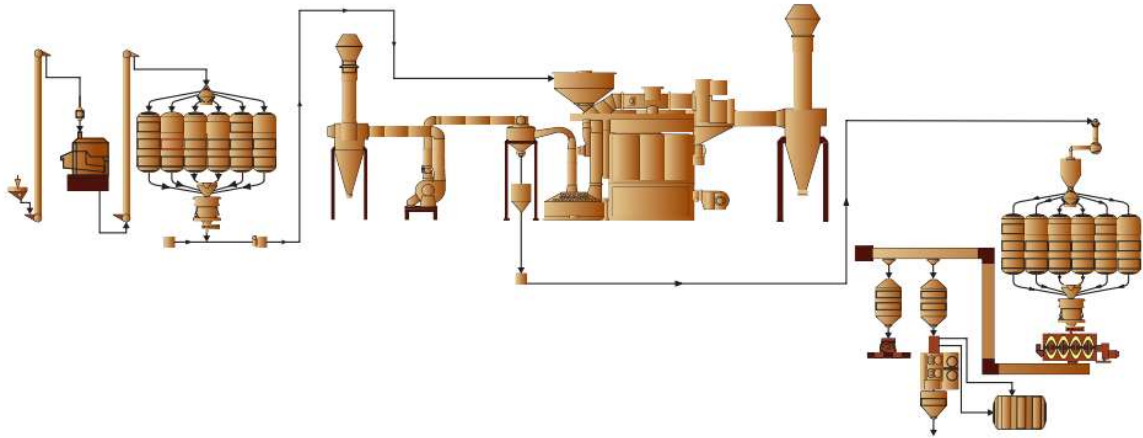
Năm 2015, chi phí bán hàng trên báo cáo hợp nhất là chi phí bán hàng của Công ty con từ ngày 01/11/2015-31/12/2015. Trong báo cáo hợp nhất quý I/2016, toàn bộ chi phí bán hàng là của Công ty con từ 01/01/2016-31/03/2016. Công ty mẹ không phát sinh chi phí bán hàng.

6.5. Trình độ công nghệ

Nhìn chung, phần lớn máy móc thiết bị của Công ty đều được sản xuất từ năm 2011 trở lại đây do vậy chất lượng tương đối tốt. Trang thiết bị, máy móc được chia làm 03 nhóm sau:

- Hệ thống thiết bị xát cà phê quả tươi;
- Hệ thống ngâm ủ cà phê;

- Hệ thống sấy sàn và hệ thống sấy trống;



Hệ thống máy móc này chủ yếu được sản xuất từ Công ty chuyên sản xuất máy móc chế biến cà phê hàng đầu tại Việt Nam với thiết kế và theo kỹ thuật được áp dụng công nghệ của Brazil.

Quy trình sản xuất

Làm ráo, phơi sấy:

a. Mục đích: làm mất phần nước tự do ở hạt cà phê sau khi rửa, nếu không làm ráo mà đem sấy ngay sẽ sinh ra hiện tượng "luộc" nguyên liệu tạo ra một màng cứng bên ngoài hạt cà phê làm kéo dài thời gian sấy và sấy không đều làm ảnh hưởng đến chất lượng thành phẩm.

Làm ráo có thể rút ngắn thời gian phơi sấy, độ ẩm của nguyên liệu có thể giảm từ 7 ÷ 10 % sau công đoạn này.

b. Các phương pháp làm ráo:

- Làm ráo nước trên sân phơi: yêu cầu sân có độ nghiêng $10 \div 12^{\circ}$ để nước thoát dễ dàng, trên sân làm ráo có thể đổ và phê thành từng đống nhỏ, bề dày lớp hạt khoảng $10 \div 20$ cm, thời gian làm ráo khoảng $2 \div 4$ giờ.

- Làm ráo trên lưới: kích thước lỗ lưới phải phù hợp với từng loại cà phê để hạt không lọt qua lưới được. Lưới được đặt trên giá cách mặt đất $0,5 \div 0,8$ m để dễ thoát nước và cách ẩm ở đất, chiều dày lớp hạt trên lưới từ $12 \div 15$ cm.

- Làm ráo bằng phương pháp li tâm: dùng máy li tâm có tốc độ $1000 \div 1500$ vòng/phút. Phương pháp này rút ngắn được thời gian làm ráo và còn làm cho quá trình rửa được hoàn chỉnh hơn do lực li tâm kéo các chất còn sót lại trên hạt trong quá trình rửa.

Phơi:

a. Mục đích: phơi nhằm hạ độ ẩm xuống còn $10 \div 12$ % để thực hiện những quá trình chế biến tiếp theo.

b. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phơi:

- Nhiệt độ của không khí: phụ thuộc hoàn toàn vào thời tiết, khả năng bốc ẩm tăng lên khi thời tiết tốt.

- Độ ẩm của không khí thấp sẽ tăng nhanh quá trình bốc ẩm trong nguyên liệu, do đó sẽ rút ngắn thời gian phơi.

c. Các phương pháp phơi và yêu cầu kỹ thuật:

- Phơi trên liếp: liếp làm bằng tôn đục lỗ, hoặc đan bằng tre, kích thước 1*2 (m), khoảng cách các liếp 20 ÷ 40 cm, liếp dưới cùng cách mặt đất 0,8 ÷ 1 m.

- Phơi trên sân: sân phơi có thể là sân xi măng, sân gạch. Về mùa hè, nhiệt độ sân phơi có thể đạt 40 ÷ 50⁰ C. Mật độ cà phê rải trên sân 10 ÷ 15 kg/m², sân phơi có độ dốc 1 ÷ 2 % để dễ thoát nước. Trong quá trình phơi cần đảo trộn, cứ 1 ÷ 1,5 giờ đảo trộn một lần, nên dùng các dụng cụ đảo trộn bằng gỗ hoặc nhựa để tránh tổn thương hạt. Càng về trưa, có thể tăng chiều dày lớp hạt lên 3 ÷ 4 cm và sang ngày thứ hai, ở thời điểm nắng nhiều có thể tăng chiều dày lớp hạt đến 4 ÷ 6 cm. Ở những ngày phơi cuối cùng, do hàm lượng nước tự do đã bay đi phần lớn, chỉ còn lại nước liên kết. Do đó, trong những ngày này cần phải để sân thật khô mới tiến hành phơi, chiều dày lớp hạt khoảng 3 ÷ 4 cm và cứ 1 giờ đảo trộn một lần.

Phương pháp này phụ thuộc hoàn toàn vào thời tiết và chất lượng của hạt không đồng đều. Do đó, chỉ phù hợp với các cơ sở sản xuất nhỏ, nguồn năng lượng nhân tạo không có điều kiện để thực hiện.

Sấy

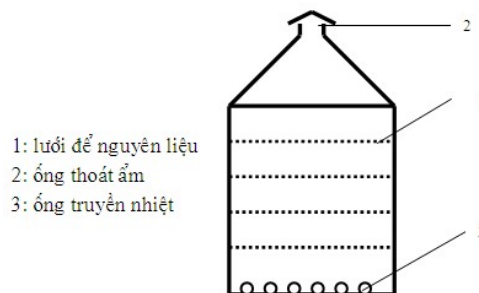
Do nhược điểm của quá trình phơi nên người ta tiến hành sấy, vì hạt cà phê có cấu tạo đặc biệt, tốc độ chuyển ẩm từ trong ra ngoài rất chậm nên người ta thường sấy hạt cà phê bằng phương pháp bán liên tục.

a. Ảnh hưởng của quá trình sấy đến chất lượng hạt cà phê:

- Ở nhiệt độ cao, protein của hạt cà phê bị biến tính và keo tụ lại.
- Chất béo trong hạt bị phân giải ở nhiệt độ cao, do đó làm hàm lượng axit béo trong hạt tăng lên.
- Tinh bột trong hạt tạo thành dextrin dưới ảnh hưởng của nhiệt độ.
- Ở nhiệt độ cao, các loại men trong hạt bị đình chỉ hoạt động, vitamin bị tổn thất nhiều.

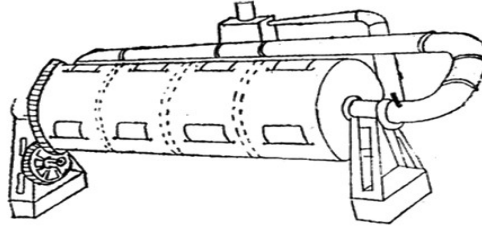
b. Thiết bị sấy cà phê và yêu cầu kỹ thuật:

- Sấy thủ công: lò sấy thủ công có cấu tạo như sau:



Lớp lưới thứ nhất cách nền 1 ÷ 1,5 m, các ống truyền nhiệt được bố trí dọc theo nền. Loại lò sấy này tốn khá nhiều nhân công, năng suất bé.

- Sấy bằng máy sấy: phổ biến nhất là máy sấy thùng quay và tháp sấy, sau đây là sơ đồ của máy sấy thùng quay:



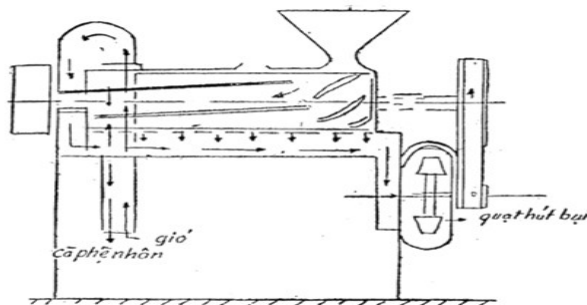
Bộ phận chính là một thùng hình trụ nằm ngang, trên thùng có bố trí các cửa để cho nguyên liệu ra vào. Chính giữa thùng là một trục rỗng làm nhiệm vụ dẫn tác nhân sấy, trên trục rỗng có gắn các ống truyền nhiệt. Thùng được chia làm 4 ngăn theo chiều dọc, trong mỗi ngăn có các cánh đảo để trộn cà phê khi thùng quay. Thời gian sấy trên máy sấy thùng quay phụ thuộc vào độ ẩm ban đầu của cà phê, nếu độ ẩm ban đầu của cà phê có giá trị từ $20 \div 40$ % thì thời gian sấy từ $16 \div 36$ giờ. Lò sấy thùng quay có nhiều ưu điểm như: ít tổn nhân công, năng suất lớn, chất lượng cà phê tốt.

Bóc vỏ thóc (xát khô):

Hạt cà phê được bao bọc bởi một lớp vỏ trấu tương đối dày và chắc chắn, thành phần chủ yếu là xenlulo, không có ích cho quá trình tiêu hóa của cơ thể và cũng không có ích cho sự hình thành chất lượng sản phẩm, do đó cần phải loại chúng ra.

Yêu cầu hạt cà phê sau khi xát khô phải giữ được nguyên hạt, lượng hạt nứt, vỡ càng ít càng tốt, do đó cần phải điều chỉnh hiệu suất xát < 100 %.

Các thiết bị xát khô được thiết kế dựa trên các tác động cơ học lên nguyên liệu như đập, xé và ma sát, hai loại máy xát khô thông dụng nhất là máy xát khô Engelber và Hanxa, sau đây là sơ đồ cấu tạo của thiết bị xát khô Engelber:

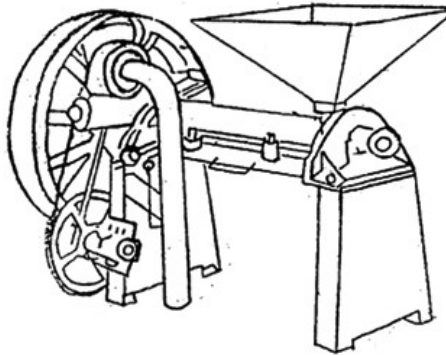


Bóc vỏ lụa (đánh bóng):

Cũng như lớp vỏ thóc, lớp vỏ lụa không có giá trị cho người tiêu dùng nên cần phải bóc vỏ lụa cho hạt cà phê được bóng, tăng giá trị cảm quan và tránh VSV xâm nhập.

Yêu cầu sau khi đánh bóng hạt cà phê, nhiệt độ của khối cà phê không quá 55°C , tỉ lệ hạt nứt vỡ không quá 1 %. Tỉ lệ vỏ lụa trong cà phê nhân phải đạt 90 % (đối với arabica), 80 % (đối với canephora) và 70 % (đối với excelsa), qui định rằng hạt có 1/2 diện tích bóc vỏ lụa trở lên được xem là hạt sạch.

Thiết bị đánh bóng thường có hai loại, kiểu 1 trục Smout và 2 trục kiểu Okrassa, sau đây là sơ đồ của máy đánh bóng kiểu Smout:



Trên trục của máy đánh bóng gồm 6 cánh xoắn khế, phần đỉnh được mài nhẵn, các cánh khế này có phần cuối cong lại để hạt chuyển động ngược lại, thân máy có bố trí các gờ có chiều nghiêng ngược chiều với chiều xoắn của trục.

Phân loại:

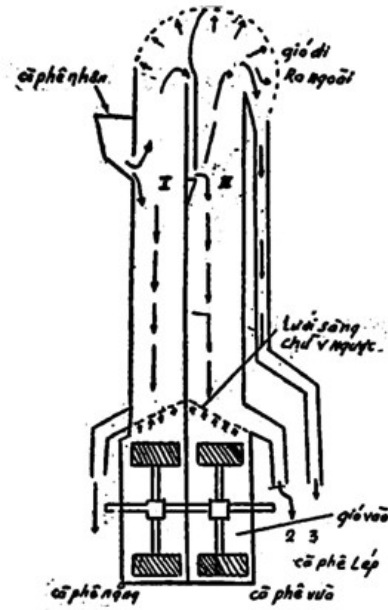
Cà phê sau khi đánh bóng là một hỗn hợp gồm: cà phê tốt, cà phê xấu, vỏ trấu, vỏ lụa, cà phê vụn...do đó cần phải phân loại để đảm bảo được yêu cầu của khách hàng và tiêu chuẩn của nhà máy. Trong sản xuất cà phê nhân, người ta thường phải phân loại theo ba phương pháp:

a. Phân loại theo kích thước: Sử dụng sàng phân loại gồm sàng tròn hoặc sàng lắc với các lưới sàng có cỡ lỗ khác nhau, hình dạng các lỗ cũng khác nhau, nếu phân loại theo chiều rộng hạt người ta dùng lưới sàng lỗ tròn hoặc vuông, nếu phân loại theo chiều dày hạt người ta dùng lưới sàng lỗ dài...

b. Phân loại theo tỉ trọng:

Dựa vào sự chuyển động khác nhau của các hạt có tỉ trọng khác nhau trong luồng không khí chuyển động ngược chiều với khối hạt, mục đích của việc phân loại theo tỉ trọng nhằm loại bỏ các hạt xấu, hạt lép kém chất lượng.

Để phân loại theo tỉ trọng, người ta thường dùng hai loại thiết bị, loại nằm ngang và loại thẳng đứng, sau đây là sơ đồ cấu tạo của thiết bị phân loại kiểu thẳng đứng (catador)



Cần chú ý điều chỉnh tốc độ không khí ở ngăn I luôn luôn lớn hơn tốc độ không khí ở ngăn II. Với loại thiết bị này, có thể thu được 3 loại sản phẩm khác nhau.

c. Phân loại theo màu sắc: Phân loại theo kích thước và tỉ trọng chỉ loại bỏ được tạp chất, tăng độ đồng đều của khối hạt nhưng chưa thể tạo được cho khối hạt độ đồng nhất về màu sắc được, do đó, để tăng cường chất lượng của khối hạt hơn nữa, người ta tiến hành phân loại theo màu sắc. Phân loại theo màu sắc có thể tiến hành bằng thủ công hoặc bằng những thiết bị điện tử.

Phân loại bằng thủ công có thể thực hiện trên các băng chuyền chạy với tốc độ chậm và dừng lại theo chu kỳ để công nhân ngồi hai bên băng chuyền tiến hành phân loại. Phương pháp này tốn khá nhiều nhân công và thời gian nhưng có thể giải quyết được nhiều vấn đề mà máy móc không thể giải quyết được

Đấu trộn, đóng bao, bảo quản:

Cà phê nhân được đấu trộn theo một tỉ lệ nhất định để đảm bảo hiệu quả kinh tế cho cơ sở sản xuất hoặc đảm bảo theo yêu cầu của khách hàng.

Đối với cà phê arabica và canephora đóng thành 2 lớp: một lớp polietilen ở trong và một lớp bằng dây gai ở ngoài, đối với cà phê excelsa chỉ cần đóng một lớp, trọng lượng mỗi bao 50 kg hoặc 70 kg.

Trong quá trình bảo quản cà phê nhân cần chú ý những điểm sau:

- Độ ẩm cà phê nhân đưa vào bảo quản < 13 %,
- Hàm lượng tạp chất < 0,5 %,
- Kho bảo quản phải được cách ẩm và cách nhiệt tốt,
- Thời gian bảo quản không quá 5 tháng.

Phân loại theo kích thước:

Cà phê nhân trong quá trình bảo quản sẽ bị gãy nát, do đó cần phải phân loại theo kích thước để quá trình rang được dễ dàng và đều đặn hơn. Thông thường người ta dùng hệ thống sàng lắc gồm 2 ÷ 3 lưới sàng để phân loại.

Bảng 9: Một số máy móc, phương tiện vận tải chính của Công ty

STT	Tên máy móc thiết bị	Công suất	Số lượng	Xuất xứ
1	Thiết bị rửa quả tươi	10.000 kg/h	1	Việt Nam
2	Thiết bị xát quả tươi	10.000 kg/h	1	Việt Nam
3	Thiết bị sấy sàn	30.000 kg/ngày	3	Việt Nam
4	Hệ thống trống quay sấy khô	24.000 kg/ngày	02	Việt Nam
5	Hệ thống trống quay sấy khô	24.000 kg/ngày	02	Việt Nam
6	Dây chuyền xát và phân loại kích thước cà phê nhân 80-120 tấn/ngày	80 - 120 tấn/ngày	02	Việt Nam
7	Máy tách màu (SortexZ+)	80 - 120 tấn/ngày	01	Anh
8	Hệ thống sấy trống cà phê 24 m ³ , lò đốt, gàu tải, vít tải, hệ thống điều khiển kèm theo	24 tấn/mẻ	02	Việt Nam
9	Máy hút cà phê vào container	20 tấn/h	01	Việt Nam
10	Băng chuyền chuyển hàng	20 tấn/h	01	Việt Nam
11	Thiết bị thử mẫu	Đồng bộ	Bộ	Việt Nam
12	Các thiết bị chuyên dụng khác	Đồng bộ	Đồng bộ	Việt Nam

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương Phú)

Một số hình ảnh nhà xưởng tại Công ty mẹ



Toàn cảnh nhà xưởng



Hồ ngâm ủ bên trong nhà xưởng



Sàng sấy tĩnh



Lò sấy trống quay

6.6. Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

Song song với việc phát triển quy mô tại các vùng nguyên liệu đầu vào, Công ty cũng tiến hành nghiên cứu thị hiếu sản phẩm từ thị trường nước ngoài thông qua các khách hàng của Công ty, trên cơ sở đó tìm kiếm các hệ thống dây chuyền sản xuất, các vùng nguyên liệu cà phê đầu vào để đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước cũng như đảm bảo khả năng tiêu thụ của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với các đối tác có năng lực nhằm cùng nhau phát triển ngành cà phê Việt Nam. Bên cạnh đó Công ty được sự giúp đỡ của các tổ chức nước ngoài trong quá trình xây dựng thương hiệu và hình ảnh sản phẩm, chất lượng sản phẩm trong các cuộc hội chợ trong và ngoài nước, giới thiệu tới các đối tác nước ngoài.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Để đảm bảo chất lượng sản phẩm được xuất đi, Công ty lập riêng một bộ phận chuyên kiểm tra chất lượng (Ban Kiểm tra Chất lượng - KCS) để kiểm soát chất lượng, hạn chế những rủi ro đáng tiếc gây ra trong quá trình sản xuất. Đối với mỗi quy trình sản xuất, thành phẩm sau khi sản xuất sẽ phải qua khâu kiểm tra chất lượng. Chỉ những thành phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng mới được đóng bao bì để xuất kho.

6.8. Hoạt động Marketing

Mặc dù mới được thành lập 5 năm nhưng sản phẩm của Công ty đã được nhiều doanh nghiệp trong ngành chế biến và xuất khẩu cà phê trong cả nước biết đến. Công ty đã và đang từng bước chiếm lĩnh được lòng tin và sự tin nhiệm của các khách hàng. Nhờ vậy Công ty đã có những hợp đồng thường xuyên với nhiều công ty, cụ thể: Công ty TNHH Thương Mại Cát Quế, Công ty cổ phần AFX, Doanh Nghiệp tư nhân Đình Tàu, Công ty TNHH Olam tại Quảng Trị, Công ty SUPREMO, Công ty VOLCOFFEE, Công ty ATLANTIC, Công ty TNHH Cà phê Vĩnh An tại Đồng Nai, ... (chi tiết xem tại bảng 10).

Với tiềm năng phát triển của thị trường sản xuất chế biến cà phê lớn trong tương lai, định hướng của Công ty là tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa hoạt động tiếp thị sản phẩm đến những khách hàng tiềm năng nhằm mở rộng thị phần và xây dựng hình ảnh thương hiệu cho sản phẩm. Sự tin tưởng của những đối tác lớn nêu trên là một thuận lợi cho Công ty trong việc giới thiệu các sản phẩm đến với những khách hàng mới. Hiện tại, Công ty đang tập trung vào một số chiến lược Marketing như sau:

Chiến lược sản phẩm: Công ty luôn chú trọng việc thăm dò thị trường, tìm hiểu nhu cầu của từng khách hàng để từ đó cải tiến chất lượng của sản phẩm cũng như nghiên cứu chế tạo những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu cụ thể của từng khách hàng. Định hướng phát triển của Công ty từ nay cho đến năm 2018 là sẽ tiếp tục đầu tư thêm máy móc thiết bị nhằm xuất khẩu trực tiếp với đối tác nước ngoài để tăng giá trị sản phẩm.

Thị trường tiêu thụ: Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là các công ty trong nước chuyên kinh doanh cà phê xuất khẩu và rang xay. Về dài hạn, Công ty hướng đến xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

Chất lượng sản phẩm: Công ty luôn tăng cường quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm, quy trình sản xuất sản phẩm, xây dựng lòng tin và chất lượng ổn định để làm hài lòng khách hàng. Theo từng giai đoạn, từng thời điểm và thông qua phân tích đánh giá thị trường, các yếu tố cạnh tranh, Công ty sẽ xác định giá bán phù hợp để vừa đảm bảo quyền lợi cho khách hàng vừa đem lại lợi nhuận phù hợp cho Công ty.

6.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhân hiệu của Công ty Cổ phần Thương Phú:



Ba hạt cà phê được cấu thành theo biểu tượng Đất - Con người - Cây. Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhân hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại. Đồng thời Công ty cũng đang tiến hành các thủ tục đăng ký bản quyền nhân hiệu thương mại.

6.10. Một số hợp đồng đã và đang thực hiện

Bảng 10: Danh sách một số hợp đồng bán hàng đã và đang thực hiện
(Công ty mẹ và Công ty con)

STT	Tên khách hàng	Thời gian thực hiện	Giá trị VNĐ
1	Công ty cổ phần GAP Việt Nam	2015	7.650.000.000
2	Công ty XNK Cường Anh	2015	2.550.000.000
3	Công ty TNHH NN Ngọc Ngà	2015	3.570.000.000
4	DNTN Đình Tàu	2015	4.080.000.000
5	Công ty cổ phần DTK	2015	17.850.000.000
6	Công ty cổ phần AFX	2015	2.550.000.000
7	Công ty TNHH TM Cát Quế	2015	2.550.000.000
8	Công ty TNHH Olam Quảng Trị	2015	5.100.000.000
9	Công ty TNHH Gia Vị Hà Nội	2015	11.040.000.000
10	Công ty cổ phần Thanh Hà	2015	6.200.000.000

STT	Tên khách hàng	Thời gian thực hiện	Giá trị HĐ (VNĐ)
11	Công ty TNHH Tây Hà	2015	10.266.000.000
12	Hamburg Coffee Company (Hacofco)	2015 - 2016	39.523.200.000
13	Công ty TNHH Cà phê Vĩnh An tại Đồng Nai (Đại diện cho VINACOF REFERENCE)	2015 - 2016	7.728.000.000
14	Công ty cổ phần Cà phê Tây Bắc	2016	23.000.000.000
15	Công ty ETG đại diện cho ETC Export Trading Company SA	2016	9.660.000.000
16	Công ty ATLANTIC đại diện cho (Nv SUPREMO sa)	2015-2016	12.364.800.000
17	Công ty TNHH Thành Dung	2016	4.700.000.000
18	Công ty Cổ phần GAP Việt Nam	2016	5.600.000.000
19	GUZMAN GLOBAL S.L.	2016	1.766.400.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương Phú)

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh qua các thời kỳ

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Quý I/2016	+/- 2015 so với năm 2014 (%)
A. Công ty mẹ					
1	Tổng giá trị tài sản	42.148.114.912	119.316.607.413	122.219.637.448	183,09
2	Vốn chủ sở hữu	25.272.965.275	111.281.132.851	113.474.534.744	340,32
3	Doanh thu thuần	45.762.779.699	87.030.044.000	20.057.500.000	90,18
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(569.607.928)	6.705.468.217	2.509.122.766	-
5	Lợi nhuận khác	4.146.866.966	-	-	-
6	Lợi nhuận trước thuế	3.577.259.038	6.705.468.217	2.309.976.026	87,45
7	Lợi nhuận sau thuế	3.577.259.038	6.365.893.480	2.193.401.893	77,95
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Quý I/2016	+/- 2015 so với năm 2014 (%)
9	LNST/VCSH bình quân	15,17%	9,32%	-	-
B. Chỉ tiêu hợp nhất					
1	Tổng giá trị tài sản	42.148.114.912	125.975.033.004	130.371.465.170	198,89
2	Vốn chủ sở hữu	25.272.965.275	113.430.245.056	116.032.243.181	348,82
3	Doanh thu thuần	45.762.779.699	107.181.153.442	56.896.087.045	134,21
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(569.607.928)	6.975.557.100	2.841.364.316	-
5	Lợi nhuận khác	4.146.866.966	-	-	-
6	Lợi nhuận trước thuế	3.577.259.038	6.975.557.100	2.841.364.316	95,00
7	Lợi nhuận sau thuế (*)	3.577.259.038	6.598.704.312	2.618.512.525	84,46
7.1	Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	3.577.259.038	6.510.035.277	2.604.342.170	
7.2	LN sau thuế của cổ đông không kiểm soát		88.669.035	14.170.355	
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
9	LNST/VCSH bình quân	15,17%	9,4%	-	-

(Nguồn: Số liệu Công ty cung cấp và BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2015 và BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2016 của Công ty)

Các chỉ tiêu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ: Năm 2015, tổng tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty đã tăng mạnh do trong năm công ty đã có 2 lần tăng vốn điều lệ, kết quả vốn điều lệ thực góp tăng từ 20 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Vốn góp tăng trưởng, tác động tích cực đến doanh thu trong kỳ. Doanh thu thuần năm 2015 đạt mức 87,03 tỷ đồng (tăng 90,19% so với cùng kỳ năm 2014). Về lợi nhuận, năm 2015 với hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi hơn năm trước, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đã có lãi, lợi nhuận sau thuế đã tăng từ 3,57 tỷ đồng năm 2014 lên 6,36 tỷ đồng năm 2015 (tăng 78,15% so với năm 2014). Quý I/2016, tổng doanh thu đạt 20,057 tỷ đồng (bằng hơn 30% tổng doanh thu cả năm 2015), lợi nhuận sau thuế đạt 2,1 tỷ đồng.

Đối với các chỉ tiêu hợp nhất: Sau khi các hoạt động sản xuất kinh doanh được kết hợp giữa công ty mẹ và công ty con, công ty hợp nhất đã đạt được kết quả kinh doanh tốt. Doanh thu thuần năm 2015 của công ty hợp nhất đạt 107,18 tỷ đồng (tăng 134,21% so với năm 2014), lợi

nhuận sau thuế đạt gần 6,6 tỷ đồng (tăng 84,46% so với năm 2014). Hoạt động kinh doanh quý I/2016 có sự tăng trưởng vượt mức so với cùng kỳ năm trước, doanh thu thuần đạt trên 56 tỷ, lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 2,6 tỷ đồng.

Công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2010 đến năm 2024) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm (kể từ năm 2010 đến năm 2014), và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động nhà máy cà phê tại địa bàn huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 4 điều 18, khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp".

(*) Do lỗi phần mềm kế toán của Công ty khi tính toán số liệu trên Báo cáo tài chính, trong quá trình rà soát, Công ty đã tính toán lại số liệu Lợi nhuận sau thuế, cụ thể:

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát năm 2015 là 88.669.035 đồng (giảm 1.212.602 đồng so với số đã công bố trên BCTC kiểm toán năm 2015 là 89.911.637 đồng) và lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ là 6.510.035.277 (tăng 1.212.602 đồng so với số đã công bố trên BCTC kiểm toán năm 2015 là 6.508.792.675 đồng). Số liệu chênh lệch này không làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu Tổng tài sản, Vốn Chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 và không ảnh hưởng đến chỉ tiêu Doanh thu, Lợi nhuận của Công ty năm 2015.

Theo đánh giá của Công ty và đơn vị kiểm toán BCTC năm 2015 (Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC), đây là sai sót nhỏ và không trọng yếu, do đó Công ty không thực hiện điều chỉnh số liệu tại BCTC kiểm toán năm 2015 và sẽ thực hiện điều chỉnh tại BCTC năm 2016.

Hiện nay, Công ty đã thực hiện điều chỉnh số liệu đầu kỳ (ngày 01/01/2016) tại BCTC quý 1/2016 (hợp nhất).

2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

❖ Những nhân tố thuận lợi

- Về thị trường xuất khẩu

Trong bối cảnh hiện nay, cà phê Việt Nam có thuận lợi như: có thị trường xuất khẩu rộng lớn; thương hiệu của cà phê Việt Nam đã dần khẳng định được vị thế đối với quốc tế; hiện nay Việt Nam đã tham gia hội nhập kinh tế sâu rộng với việc ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do FTA tạo điều kiện cho xuất khẩu hàng nông sản (cụ thể là cà phê) và Chính phủ đã có những biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp cà phê để phát triển thương hiệu và xúc tiến thương mại.

- Về công nghệ sản xuất

Công ty cổ phần Thương Phú hiện đang có thế mạnh về dây chuyền, công nghệ chế biến cà phê hiện đại từ khâu xay quã tươi, sấy nghiền và đóng gói sản phẩm; đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất cà phê; hệ thống quản lý chất lượng đồng bộ và mạng lưới khách hàng rộng lớn ở nhiều nước trên thế giới. Những nhân tố này đã góp phần tạo nên thương hiệu và gia tăng giá trị cho hàng hóa Công ty.

- Cơ chế chính sách của Nhà nước

Để phát triển ngành cà phê trong nước, Chính phủ đã có nhiều ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thuê đất cho các doanh nghiệp trong ngành cà phê.

❖ Những nhân tố khó khăn

- Điều kiện tự nhiên, khí hậu

Trong những năm gần đây, điều kiện tự nhiên của toàn cầu và Việt Nam có những biến đổi thất thường làm thay khí hậu, thô nhưỡng gây ra ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng và chất lượng cây cà phê, đặc biệt là cây cà phê Arabica – nguồn nguyên liệu sản xuất chính của Công ty.

- Cơ chế chính sách của Nhà nước

Là một doanh nghiệp chế biến cà phê tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và hướng tới xuất khẩu, vì thế môi trường pháp lý trong và ngoài Việt Nam, Các văn bản quy định về hoạt động kinh doanh, xuất khẩu, thuế quan sẽ có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, vì Việt Nam vẫn đang trong quá trình phát triển và hội nhập nên có thể có sự chông chéo, chưa đồng bộ giữa các văn bản pháp quy, dẫn đến nhiều khó khăn cho doanh nghiệp. Ngoài ra, việc hiểu biết các quy định trong thương mại quốc tế của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng, đôi khi vẫn còn nhiều hạn chế. Chính điều này đã trở thành rào cản cho việc thâm nhập và mở rộng thị trường của Công ty.

- Ảnh hưởng của giá cà phê trên thế giới

Những biến động của giá cà phê thế giới sẽ tác động trực tiếp đến giá cà phê trong nước, từ đó sẽ tác động đến cả giá đầu vào và giá bán đầu ra của Công ty. Trong những năm gần đây, giá cà phê thế giới biến động rất khó lường gây khó khăn trong việc quản trị chi phí, doanh thu của Công ty.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty cổ phần Thương Phú có lợi thế cạnh tranh về đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm trồng, chế biến và kinh doanh cà phê. Sự hiểu biết sâu sắc về cà phê của Ban lãnh đạo cùng với đội ngũ nhân viên năng động là nội lực vững chắc cho sự phát triển của Công ty. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã trải qua 5 năm hoạt động, tuy nhiên Ban lãnh đạo của Công ty đã trải qua 15 năm trong ngành cà phê đã tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm thực tế và từng bước khẳng định được thương hiệu sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước.

Vị thế về thương hiệu

Các sản phẩm được sản xuất từ công ty có chất lượng cao, được định hướng chủ yếu để phục vụ cho mục tiêu xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Sản phẩm của Công ty được xuất khẩu vào nhiều thị trường khó tính như Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu hoặc bán trực tiếp cho các nhà rang xay và được đấu giá tại Liffe (Sàn giao dịch Tương lai và Quyền chọn Tài chính Quốc tế London (*London International Financial Futures and Options Exchange – Liffe*, đây là một phần của tập đoàn Euronext, giao dịch chủ yếu cà phê robusta). Tại châu Á, các sản phẩm của Công ty được xuất sang nhiều nước trong khu vực, trong đó chiếm tỷ trọng cao nhất là xuất sang Nhật Bản. Thương hiệu cà phê Thương Phú, Nasan càng trở nên quen thuộc với bạn hàng quốc tế khi Công

ty đã và đang thực hiện việc mở các trang web với từ khoá tìm kiếm hàng đầu trên Google để giới thiệu sản phẩm tại nhiều nước trên thế giới.

Vì vậy công ty đã đặt mục tiêu đến năm 2020 trở thành một trong những doanh nghiệp xuất khẩu cà phê Arabica hàng đầu Việt Nam và hướng tới nằm trong top 20 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê lớn nhất trên toàn quốc.

Vị thế về quy mô

Công ty có hệ thống kho bãi quy mô lớn và hệ thống dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất công nghệ cao với tổng diện tích 13.142 m², tổng công suất chế biến 150.000 tấn/ngày (tính đến tháng 10/2014), công suất dự kiến sẽ nâng lên 200.000 tấn/ ngày để đảm bảo sự ổn định và đáp ứng đủ nhu cầu khách hàng. Ngoài ra nhà xưởng của công ty con là Công ty cổ phần Nasan Việt Nam được xây dựng trên mảnh đất hơn 6.700 m² với hệ thống máy móc hiện đại giúp cho công ty có những bước phát triển mạnh trong việc sản xuất cà phê nhân.

Một số hình ảnh nhà xưởng tại Công ty con



Sân đường nội bộ



Bên trong nhà xưởng



Nhà xưởng sản xuất

Vị thế năng lực tài chính

Trong số các doanh nghiệp tư nhân trong nước kinh doanh cà phê hiện nay, Công ty được xem là một trong những thương hiệu mạnh, có tiềm lực tài chính tốt và đạt hiệu quả cao trong kết quả sản xuất kinh doanh.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam là một trong những nước sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới, đứng đầu thế giới về xuất khẩu cà phê Robusta và đứng thứ 2 thế giới về tổng lượng cà phê xuất khẩu hàng năm (đứng sau Brazil). Xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là hạt cà phê Robusta sơ chế.

Với điều kiện tự nhiên thích hợp cho sự phát triển của cây cà phê, các chính sách phát triển cây cà phê của Chính phủ và sự năng động của các doanh nghiệp kinh doanh cà phê cùng với sự phát triển của tiến bộ khoa học kỹ thuật, ngành cà phê Việt Nam đã có bước phát triển mạnh cả về diện tích, sản lượng, năng xuất, chất lượng và kim ngạch xuất khẩu trong nhiều năm qua.

Việt Nam trồng hai loại phê chính là Robusta và Arabica, trong đó diện tích cà phê Robusta chiếm hơn 95% tổng diện tích gieo trồng và tập trung chủ yếu ở các tỉnh Tây Nguyên (chiếm trên 90%). Sở dĩ diện tích trồng cà phê chủ yếu tập trung ở một số khu vực nhất định vì sản xuất cà phê chịu ảnh hưởng rất lớn của điều kiện thời tiết và thổ nhưỡng. Cà phê Việt Nam có khả năng cạnh tranh khá mạnh trên thị trường thế giới với chi phí sản xuất rẻ do chi phí nhân công thấp tương đối so với các nước khác. Số lượng các nước nhập cà phê của Việt Nam hiện nay là khoảng 70 quốc gia. Thị trường nhập khẩu chính của cà phê Việt Nam là các thị trường tiêu thụ cà phê trên thế giới như EU, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc...

Ngành cà phê hiện rất được Chính phủ quan tâm phát triển để tận dụng được lợi thế tự nhiên của đất nước và để trở thành mũi nhọn cho xuất khẩu.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

❖ Định hướng phát triển của Công ty

Về hoạt động sản xuất: Trong những năm tới, Công ty sẽ tăng cường đầu tư thiết bị máy móc, áp dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời, tăng cường công tác quảng bá hình ảnh của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Về thị trường: Công ty chú trọng phát triển thị trường trong nước nhằm đưa sản phẩm cà phê tốt nhất tới được với người tiêu dùng, ngoài ra Công ty còn tích cực nghiên cứu và mở rộng các thị trường nước ngoài có tiềm năng lớn và giá trị xuất khẩu cao.

Ngoài ra, việc trở thành công ty đại chúng sẽ đánh dấu một bước tiến mới, tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ của công ty trong thời gian tới và là động lực để công ty không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh, minh bạch hơn trong quản trị doanh nghiệp..

❖ Trách nhiệm xã hội của Công ty

Là một đơn vị gắn liền với lợi ích của người dân vì vậy trách nhiệm xã hội là một trong những yếu tố công ty hết sức coi trọng. Thực hiện trách nhiệm xã hội là việc doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm, đạo đức kinh doanh, cách hành xử đối với người lao động, đối với môi trường cộng đồng và xã hội, nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, người lao động và sự phát triển bền vững. Ý thức được điều đó, trong quá trình hoạt động của mình, Ban lãnh đạo công ty đã thực hiện nhiều chính sách có ý nghĩa lớn với người lao động tại Công ty. Tiêu biểu như các chính sách về: đảm bảo mức lương, thưởng hàng năm, áp dụng chính sách về nhà ở, hỗ trợ đi lại cho người lao động ở tỉnh xa, thực hiện nhiều chương trình ủng hộ mang ý nghĩa xã hội.

❖ **Đánh giá sự phù hợp trong định hướng phát triển của Công ty**

Hiện tại, tuy Việt Nam đang là nước xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 trên thế giới (đứng đầu thế giới với mặt hàng cà phê Arabica) nhưng chất lượng cà phê chưa cao vẫn là một điểm yếu của cà phê Việt Nam. Chính vì vậy mà việc Công ty theo đuổi mục tiêu áp dụng máy móc thiết bị công nghệ cao vào sản xuất cà phê để nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao giá trị hạt cà phê Việt Nam là phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Chính phủ và xu hướng chung của thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

Con người luôn là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

9.1. Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Tính đến 31/12/2015 số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 67 người.

Bảng 12: Tình hình lao động của Công ty

Tiêu chí	Năm 2015
Số lượng nhân viên	67
I. Phân theo trình độ học vấn	
1. Trình độ đại học và trên đại học	12
2. Trình độ cao đẳng, trung cấp	5
3. Sơ cấp, trung cấp	10
4. Lao động phổ thông	40
II. Phân theo thời hạn	
1. LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ (GD, PGD, KTT)	3
2. Hợp đồng dài hạn	25
3. Hợp đồng ngắn hạn	39

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương Phú)

9.2. Chính sách đối với người lao động

❖ **Chế độ làm việc**

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1 tiếng đồng hồ đối với cán bộ văn phòng. Thực hiện nghỉ vào ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Đối với bộ phận sản xuất được làm 3 ca/ngày, mỗi ca kéo dài từ 6-8 tiếng. Công nhân sản xuất và cán bộ sẽ tập trung làm việc trong những thời điểm mùa vụ, ngoài ra những cũng được hưởng các chế độ ưu đãi như cán bộ công nhân viên khác.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

❖ ***Chính sách tuyển dụng, đào tạo***

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Đào tạo: Chính sách đào tạo của Công ty phải đảm bảo nguyên tắc nguồn lực ổn định và lâu dài đảm bảo cân đối giữa gián tiếp và trực tiếp. Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động trong các hoạt động của mình, Công ty luôn chú trọng đầu tư đào tạo cho nhân viên, đặc biệt là các kỹ năng về marketing và phát triển khách hàng.

❖ ***Chính sách lương, thưởng, phúc lợi***

Chính sách lương: Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty và hàng tháng được chi trả một lần vào thời gian từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định hiện hành.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng Quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật Lao động. Vào các ngày lễ, Tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty tiến hành trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Khi trả cổ tức, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Năm 2014 và năm 2015 Công ty không thực hiện trả cổ tức cho cổ đông để tập trung cho phát triển kinh doanh. Mức cổ tức dự kiến cho năm 2016 là 10%.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009. Từ năm 2015, Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng Việt Nam đồng.

❖ **Trích khấu hao TSCĐ**

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Cụ thể:

Nhà cửa, vật kiến trúc	08-10 năm
Máy móc, thiết bị	08 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
Tài sản cố định khác	08 năm

❖ **Mức lương bình quân của người lao động**

- Lương lao động bình quân năm 2015 của công nhân: 4.000.000 – 6.000.000 đồng/tháng.
- Trong năm 2015 mức lương bình quân khởi hành chính là 7.000.000 đồng/người/tháng.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty thực hiện thanh toán đúng hạn đối với các khoản vay và không có nợ quá hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn thực hiện tính, thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế, lệ phí và các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp... theo đúng quy định của Nhà nước và không có các khoản phải nộp quá hạn.

Bảng 13: Các khoản phải nộp theo luật định giai đoạn 2014 – 2015, Quý I/2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/03/2016
A. Chỉ tiêu công ty mẹ				
1	Thuế GTGT	2.138.243.432	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	339.574.737	451.249.937
3	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
	Tổng cộng	2.138.243.432	339.574.737	451.249.937
B. Chỉ tiêu hợp nhất				
1	Thuế GTGT	2.138.243.432	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	376.852.788	613.946.979
3	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
4	Các loại thuế khác		-	-
	Tổng cộng	2.138.243.432	376.852.788	613.946.979

(Nguồn: Số liệu Công ty cung cấp và BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2015 và BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2016 của Công ty)

❖ **Trích lập các Quỹ theo luật định**

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHCĐ quyết định. Hàng năm Công ty vẫn thực hiện trích các quỹ khen thưởng phúc lợi, đầu tư phát triển như quy định.

Bảng 14: Các khoản quỹ của Công ty giai đoạn 2014 – 2015, Quý I/2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/03/2016
A. Công ty mẹ				
1	Quỹ đầu tư phát triển	185.652.635	543.378.539	543.378.539
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	185.652.635	543.378.539	543.378.539
	Tổng cộng	371.305.270	1.086.757.078	1.086.757.078
B. Chỉ tiêu hợp nhất				
1	Quỹ đầu tư phát triển	185.652.635	543.378.539	543.378.539
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	185.652.635	543.378.539	543.378.539
	Tổng cộng	371.305.270	1.086.757.078	1.086.757.078

(Nguồn: Số liệu Công ty cung cấp và BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2015 và BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2016 của Công ty)

❖ **Tổng dư nợ vay****Bảng 15: Các khoản vay giai đoạn 2014 – 2015, Quý I/2016**

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/03/2016
A. Công ty mẹ				
1	Vay ngắn hạn	7.000.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000
2	Vay dài hạn	-	-	-
3	Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-
	Tổng cộng	7.000.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000
B. Chỉ tiêu hợp nhất				
1	Vay ngắn hạn	7.000.000.000	10.432.000.000	11.581.000.000
2	Vay dài hạn	-	462.000.000	462.000.000
3	Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-
	Tổng cộng	7.000.000.000	10.894.000.000	12.043.000.000

(Nguồn: Số liệu Công ty cung cấp và BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2015 và BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2016 của Công ty)

Các khoản vay và nợ ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2015:

- Hợp đồng tín dụng số 22/2014.HĐHM-PN/SHB.11200 ngày 07/04/2014 và phụ lục gia hạn ngày 09/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - o Hạn mức tín dụng: 6.800.000.000 đồng;
 - o Mục đích vay: thanh toán tiền mua cà phê thóc;
 - o Thời hạn của hợp đồng: đến hết 09/07/2016;
 - o Lãi suất cho vay: 9,1%/năm;
 - o Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 6.800.000.000 đồng;
 - o Các hình thức đảm bảo tiền vay: đảm bảo bằng toàn bộ tài sản và máy móc thiết bị tại Nhà máy sản xuất cà phê và một số tài sản hợp pháp của các cá nhân khác.
- Hợp đồng tín dụng số 201/2014/HĐHM-PN/SHB.112000 ngày 13/11/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
 - o Hạn mức tín dụng: 3.500.000.000 đồng;
 - o Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thu mua cà phê;
 - o Thời hạn của hợp đồng: từ 13/11/2014 đến 13/11/2015, thời hạn mỗi khoản vay theo khế ước không quá 03 tháng kể từ ngày nhận nợ; Hợp đồng được gia hạn sau khi hợp đồng cũ kết thúc. Khoản vay được gia hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 10/2016/HĐHM-PN/SHB.112000 ngày 13/01/2016 của Ngân Hàng Thương Mại Sài Gòn –Hà Nội (chi nhánh Hà Đông).
 - o Lãi suất cho vay: 9,1%/năm;
 - o Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.500.000.000 đồng;
 - o Các hình thức đảm bảo tiền vay: đảm bảo bằng dây chuyền máy móc sản xuất cà phê nhân tại Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội và tài sản hợp pháp của các cá nhân khác.

Khoản vay dài hạn tính đến thời điểm 31/12/2015:

- Hợp đồng tín dụng số 113/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.112000 ngày 07/04/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - o Hạn mức tín dụng: 660.000.000 đồng;
 - o Mục đích vay: trả tiền mua máy phân loại màu (Color Sorter YJT WB3);
 - o Thời hạn của hợp đồng: 05 năm kể từ ngày giải ngân 15/05/2015;
 - o Lãi suất cho vay: 12,3%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: tài sản hình thành từ vốn vay.

❖ **Tình hình hàng tồn kho**

Bảng 16: Hàng tồn kho giai đoạn 2014 – 2015, Quý I/2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/03/2016
A. Công ty mẹ				
1	Nguyên vật liệu	36.860.000	8.841.479.600	6.513.529.600
2	Thành phẩm	14.541.140.094	8.359.489.036	8.049.443.275
3	Hàng hóa	1.122.802.573	-	4.202.085.036
	Tổng cộng	15.700.802.667	17.200.968.636	18.765.057.911
B. Chỉ tiêu hợp nhất				
1	Nguyên vật liệu	36.860.000	25.168.338.147	22.110.375.147
2	Thành phẩm	14.541.140.094	22.446.736.734	19.528.352.722
3	Hàng hóa	1.122.802.573	-	4.202.085.036
	Tổng cộng	15.700.802.667	47.615.074.881	45.840.812.905

(Nguồn: Số liệu Công ty cung cấp và BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2015 và BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2016 của Công ty)

Do hoạt động trong lĩnh vực sản xuất cà phê xuất khẩu mang tính thời vụ (mùa cà phê chính thường vào quý 4 của năm), vì vậy Công ty xác định sẽ thu mua cà phê nguyên liệu dựa trên dự báo của Công ty về các biến động giá cà phê trên thị trường trong năm sau. Do đó, cuối năm 2015 do giá nguyên liệu đầu vào giảm so với năm 2014, Công ty đã dự trữ một lượng hàng tồn kho tương đối lớn với giá thấp để chuẩn bị cho những đơn đặt hàng trong năm 2016. Thực tế tính đến thời điểm hiện nay, giá cà phê trên thị trường năm 2016 tăng cao hơn so với dự đoán của Công ty trong năm 2015.

Tính đến 31/12/2015, hàng tồn kho của Công ty chủ yếu dưới dạng nguyên vật liệu và thành phẩm. Số lượng hàng này được sử dụng thường xuyên, liên tục, không bị ứ đọng và tại thời điểm kiểm toán, giá bán của hàng tồn kho cao hơn mức giá doanh nghiệp mua vào nên Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

❖ **Tình hình công nợ**

➤ **Các khoản phải thu**

Bảng 17: Các khoản phải thu giai đoạn 2014 – 2015, Quý I/2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/03/2016
A. Công ty mẹ				
1	Phải thu khách hàng	-	6.200.000.000	26.257.500.000
2	Trả trước người bán	11.150.693.041	8.955.752.544	3.860.000.000

3	Khoản cho vay	-	5.508.000.000	-
4	Phải thu khác	2.732.850.000	1.239.300.000	-
	Tổng cộng	13.883.543.041	21.903.052.544	30.117.500.000
B. Chỉ tiêu hợp nhất				
1	Phải thu khách hàng	-	11.021.111.233	36.136.933.352
2	Trả trước người bán	11.150.693.041	18.474.752.544	13.537.893.500
3	Khoản cho vay	-	3.408.000.000	-
4	Phải thu khác	2.732.850.000	1.917.105.704	1.200.000.000
	Tổng cộng	13.883.543.041	34.820.969.481	50.874.826.852

(Nguồn: Số liệu Công ty cung cấp và BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2015 và BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2016 của Công ty)

Đối với các chỉ tiêu Công ty mẹ: Khoản phải thu khách hàng tại thời điểm ngày 31/12/2015 của Công ty mẹ là 6,2 tỷ đồng, tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã thu được khoản phải thu này. Tính đến thời điểm cuối tháng 3/2016, phải thu của khách hàng là 26 tỷ đồng do trong quý 1 Công ty bán hàng cho một số đối tác và số tiền này chưa đến hạn thanh toán.

Khoản trả trước cho người bán 8,9 tỷ đồng trong năm 2015 chủ yếu là các khoản trả trước cho các hộ nông dân để thu mua cà phê nguyên liệu.

Trong năm 2015, Công ty cho công ty con vay một khoản 3,9 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động, ngoài ra còn cho các bộ công nhân viên trong Công ty vay 1,6 tỷ đồng, hỗ trợ đối với các nhân viên làm việc lâu năm. Các khoản cho vay này đã được thanh toán đầy đủ trong quý 1/2016.

Đối với Chỉ tiêu hợp nhất: Khoản phải thu khách hàng tại ngày 31/03/2016 là 36,136 tỷ đồng, ngoài khoản phải thu khách hàng của Công ty mẹ là 26,257 tỷ đồng thì Công ty con có khoản phải thu từ Humburg Coffee Company là 3,09 tỷ đồng và một số khách hàng truyền thống khác. Khoản trả trước người bán chủ yếu là các khoản trả trước tiền mua hàng cho các hộ nông dân, trong đó trả trước của Công ty mẹ là 3,86 tỷ đồng, của Công ty con là 9,9 tỷ đồng.

➤ **Các khoản phải trả**

Bảng 18: Các khoản phải trả giai đoạn 2014 -2015, Quý I/2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/03/2016
A. Công ty mẹ				
1	Phải trả người bán	280.621.000	330.981.000	131.681.409
2	Người mua trả tiền trước	7.163.050.000	1.000.000	780.000.000
3	Thuế và các khoản phải nộp	2.138.243.432	339.574.737	451.249.937
4	Phải trả người lao động	59.223.204	-	-

5	Phải trả khác	48.359.366	20.540.286	33.893.886
6	Vay và nợ ngắn hạn	7.000.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	185.652.635	543.378.539	543.378.539
	Tổng cộng	16.875.149.637	8.035.474.562	8.740.203.771
B. Chỉ tiêu hợp nhất				
1	Phải trả người bán	280.621.000	709.016.335	599.802.585
2	Người mua trả tiền trước	7.163.050.000	1.000.000	500.000.000
3	Thuế và các khoản phải nộp	2.138.243.432	376.852.788	613.946.979
4	Phải trả người lao động	59.223.204	-	-
5	Phải trả khác	48.359.366	20.540.286	39.093.886
6	Vay và nợ tài chính ngắn hạn	7.000.000.000	10.832.000.000	11.581.000.000
7	Vay và nợ tài chính dài hạn	-	462.000.000	462.000.000
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	185.652.635	543.378.539	543.378.539
	Tổng cộng	16.875.149.637	12.554.787.948	14.339.221.989

(Nguồn: Số liệu Công ty cung cấp và BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2015 và BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2016 của Công ty)

❖ **Đầu tư dài hạn**

Bảng 19: Các khoản đầu tư dài hạn giai đoạn 2014 – 2015, Quý I/2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/03/2016
A. Công ty mẹ				
1	Đầu tư vào công ty con	-	58.000.000.000	58.000.000.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	
3	Đầu tư dài hạn khác	-	-	
	Tổng cộng		58.000.000.000	58.000.000.000
B. Chỉ tiêu hợp nhất				
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
2	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
	Tổng cộng	-	-	-

(Nguồn: Số liệu Công ty cung cấp và BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2015 và BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2016 của Công ty)

Tính đến thời điểm ngày 31/03/2016 Công ty Cổ phần Thương Phú đang đầu tư vào công ty con là Công ty cổ phần Nasan Việt Nam với số vốn 58 tỷ đồng trên tổng số vốn điều lệ của công ty con là 60 tỷ (chiếm 96,7%). Hoạt động đầu tư này nhằm mục đích nâng cao hoạt động sản xuất của công ty tại khu vực phía Bắc, nơi có vùng trồng cà phê rộng lớn và nhiều tiềm năng đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu cà phê của công ty ra thị trường quốc tế.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu công ty mẹ	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,87	5,75
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,94	3,61
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	40,04	6,73
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	66,77	7,22
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	3,25	4,79
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,27	1,08
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	7,82	7,31
+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	15,17	9,32
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản bình quân	%	9,95	7,89
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	-	7,70
Các chỉ tiêu hợp nhất	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,87	7,70
TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,94	3,76
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	40,04	9,96
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	66,77	11,06

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	3,25	3,02
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	Lần	1,27	1,28
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,82	6,16
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	15,17	9,4
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	9,95	7,85
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	-	6,51

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2015 của Công ty)

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách

➤ Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Võ Quang Thành	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thị Thủy	Ủy viên HĐQT
3	Nguyễn Bá Nam	Ủy viên HĐQT
4	Hồ Văn Tiến	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
5	Nguyễn Xuân Thủy	Ủy viên HĐQT

➤ Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hữu Ái	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Phương Nam	Phó Tổng giám đốc

➤ Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Ngọc Lan	Trưởng BKS
2	Võ Ngọc Bằng	Thành viên BKS
3	Võ Văn Long	Thành viên BKS

➤ Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hồ Văn Tiến	Kế toán trưởng

12.2. Sơ yếu lý lịch**➤ Hội đồng quản trị****a. Chủ tịch HĐQT – Ông VÕ QUANG THÀNH**

- Họ và tên: **VÕ QUANG THÀNH**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/03/1980
- Nơi sinh: Diễn Liên, Diễn Châu, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: TT Bộ Nông Nghiệp, Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: TT Bộ Nông Nghiệp, Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội
- Số CMND: 013353715 Nơi cấp: CA. Hà Nội Ngày cấp: 04/08/2011
- Điện thoại liên hệ: 0962.606.280
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1998 – 2002	Học đại học	Trường đại học Đông Đô
2002 – 2004	Học văn bằng 2	Đại học Kinh tế Quốc dân
2004 – 2006	Nhân viên kinh doanh	Công ty Phú Thắng
2006 – 2009	Giám đốc	Công ty Phú Thắng
2009 – 2011	Quản lý nông trường cà phê	CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam
10/2010 – 09/2014	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Thương Phú
09/2014 – 01/2016	Giám đốc	Công ty Cổ phần Thương Phú
09/2014 – Nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Thương Phú

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 480.000 cổ phần, chiếm 4,80% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

❖ Sở hữu của người có liên quan: 121.000 cổ phần (tương đương 1,21%)

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Võ Văn Hiến	Bố đẻ	5.000	0,05
2	Trần Thị Thu	Vợ	10.000	0,10
3	Võ Thị Liên	Chị gái	5.000	0,05
4	Võ Văn Thắng	Anh trai	100.000	1,00
5	Võ Thị Nụ	Chị gái	1.000	0,01

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b. Thành viên HĐQT – Bà NGUYỄN THỊ THỦY

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ THỦY
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 14/12/1979
- Nơi sinh: Diễn Xuân, Diễn Châu, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 627, tổ 70 phường Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: Số 627, tổ 70 phường Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số CMND: 012928856 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 02/02/2007
- Điện thoại liên hệ: 0974.044.779
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2002 – 2005	Nhân viên	Công ty TNHH SX & TM Thái Hòa
2006 – 2008	Phó phòng Tổ chức Hành chính	CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam

2009 – 2011	Phó phòng Hành chính nhân sự kiêm Trợ lý pháp chế Tổng Giám đốc	CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam
2012 – 2013	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	Công ty Nội thất Đức Khang
2014 – Nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Nasan Việt Nam
09/2015 – Nay	Thành viên HĐQT	CTCP Thương Phú

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 1.500.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 165.800 cổ phần (tương đương 1,66%)

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Hữu Ái	Bố đẻ	50.000	0,50
2	Ngô Thị Thu	Mẹ đẻ	5.800	0,058
3	Võ Văn Thắng	Chồng	100.000	1,00
4	Nguyễn Hồng Hà	Em trai	5.000	0,05
5	Nguyễn Hồng Hải	Em trai	5.000	0,05

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

c. Thành viên HĐQT – Ông NGUYỄN BÁ NAM

- Họ và tên: NGUYỄN BÁ NAM
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/02/1974
- Nơi sinh: Xã Dương Liễu – H.Hoài Đức –TP. Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Xóm Đồng, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: Xóm Đồng, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội
- Số CMND: 001074005305 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về Dân Cư
- Ngày cấp: 18/06/2015
- Điện thoại liên hệ: 0934.569.505
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Nasan Việt Nam
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1998 – 2004	Kế toán tổng hợp	Công ty TNHH MTV Giày Thụy Khuê
2005 – 2007	Kế toán tổng hợp	Tổng công ty Du lịch Hà Nội
2008 – 2011	Kiểm toán viên	Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA)
2012 – 2013	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần Brainwork Việt Nam
2014 – Nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần Nasan Việt Nam
09/2015 – Nay	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần Thương Phú

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 200.000 cổ phần, chiếm: 2,00% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

d. Thành viên HĐQT – Ông HỒ VĂN TIẾN

- Họ và tên: HỒ VĂN TIẾN
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/07/1987
- Nơi sinh: Diễn Liên, Diễn Châu, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Bích La Trung, Tân Thành, Hướng Hóa, Quảng Trị
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: Bích La Trung, Tân Thành, Hướng Hóa, Quảng Trị
- Số CMND: 197432434 Nơi cấp: CA Quảng Trị Ngày cấp: 30/06/2015
- Điện thoại liên hệ: 0164.806.8789
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Kế Toán Trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2009 - 2011	Kế toán viên	Công ty cổ phần Cà phê Thái Hòa Quảng Trị
2011 đến nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần Thương Phú
10/2010 – Nay	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần Thương Phú

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 200.000 cổ phần, chiếm 2,00% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 3.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Hồ Văn Vĩ	Bố đẻ	3.000	0,03

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

e. Thành viên HĐQT – Ông NGUYỄN XUÂN THUY

- Họ và tên: NGUYỄN XUÂN THUY
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/03/1965
- Nơi sinh: Diễn Xuân, Diễn Châu, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Diễn Xuân, Diễn Châu, Nghệ An
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: Diễn Xuân, Diễn Châu, Nghệ An
- Số CMND: 181290107 Nơi cấp: CA Nghệ An Ngày cấp: 03/05/2014
- Điện thoại liên hệ: 0982.359.744
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Quản đốc – CTCP Nasan Việt Nam

– Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1987 - 1990	Sỹ quan quân đội	Quân khu 4
1991 - 1995	Sỹ quan quân đội	Du học Nga
1996	Xuất ngũ	Diễn Châu – Nghệ An
1997 - 1999	Quản đốc	Công ty TNHH cà phê Thái Hòa – Nghệ An
2000 - 2003	Quản đốc	Công ty cổ phần Cà phê Thái Hòa Lâm Đồng
2004 - 2007	Quản đốc	Công ty TNHH Cà phê Thái Hòa – Quảng Trị
2008 - 2012	Giám đốc nhà máy	Công ty cổ phần Cà phê Thái Hòa – Quảng Trị
2013 - 2014	Quản đốc	Công ty TNHH Suri Việt Trung
2014 – Nay	Quản đốc	Công ty cổ phần Nasan Việt Nam
01/2016 – Nay	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần Thương Phú

– Hành vi vi phạm pháp luật: Không

– Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

❖ Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ

❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

– Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

– Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không

– Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

➤ **Ban Tổng Giám đốc**

a. Tổng Giám đốc – Ông: NGUYỄN HỮU ÁI

– Họ và tên: NGUYỄN HỮU ÁI

– Giới tính: Nam

– Ngày sinh: 21/04/1946

– Nơi sinh: Diễn Xuân, Diễn Châu, Nghệ An

– Quốc tịch: Việt Nam

– Địa chỉ thường trú: Diễn Xuân, Diễn Châu, Nghệ An

– Địa chỉ nơi ở hiện nay: Diễn Xuân, Diễn Châu, Nghệ An

– Số CMND: 181840349 Nơi cấp: CA Nghệ An Ngày cấp: 23/12/2002

– Điện thoại liên hệ: 0168.301.8349

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Tổng Giám Đốc – CTCP Thương Phú
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1974 – 1987	Trưởng Ban tài vụ	Trung đoàn 98 đoàn 559
1988 – 1992	Trưởng phòng	Công ty Thủy sản Nghệ Tĩnh
1993 – 1999	Quản lý	Công ty Cà phê Thái Hòa - Hà Nội
2000 – 2001	Giám đốc	Công ty Cà phê Thái Hòa - Nghệ An
2002 – 2006	Giám đốc	Công ty Cà phê Thái Hòa - Quảng Trị
2007	Trưởng Ban quản lý	Công ty Cà phê Thái Hòa - A Lưới
2008 – 2011	Trưởng Ban quản lý	Công ty Cà phê Thái Hòa - Lào
2012 - 2015	Cố vấn phát triển	Công ty cổ phần Thương Phú
01/2016 – Nay	Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Thương Phú

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 1.515.800 cổ phần (tương đương 15,158%):

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Ngô Thị Thu	Vợ	5.800	0,058
2	Nguyễn Thị Thuý	Con gái	1.500.000	15,0
3	Nguyễn Hồng Hà	Con trai	5.000	0,05
4	Nguyễn Hồng Hải	Con trai	5.000	0,05

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b. Phó Tổng Giám đốc – Ông NGUYỄN PHƯƠNG NAM

- Họ và tên: NGUYỄN PHƯƠNG NAM
- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 03/06/1982
- Nơi sinh: Tam Phước, Long Thành, Đồng Nai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Ấp Long Đức 1, Xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: Ấp Long Đức 1, Xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
- Số CMND: 271488118 Nơi cấp: CA. Đồng Nai Ngày cấp: 16/05/2011
- Điện thoại liên hệ: 0934.785.345
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2006 – 2008	Nhân viên kế toán	CTCP Chăn nuôi CP Việt Nam
2008 – 2009	Kế toán	Công ty TNHH Kế toán và kiểm toán Biên Hòa
2009 – 2010	Phó phòng kinh doanh	CTCP Cà phê Thái Hòa Quảng Trị
2010 – Nay	Phó Tổng Giám đốc	CTCP Thương Phú

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm 0,1 % vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 5.000 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Hương	Chị gái	5.000	0,05

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

➤ **Ban kiểm soát**

a. **Trưởng BKS – Bà TRẦN NGỌC LAN**

- Họ và tên: TRẦN NGỌC LAN
- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 09/01/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 3B Đặng Thái Thân, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: 3B Đặng Thái Thân, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số CMND: 011796585 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 30/01/2007
- Điện thoại liên hệ: 0913.317.743
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2007 - 2012	Phó trưởng phòng kế toán	Công ty TNHH Ngọc Sơn
2012 - 2014	Kế toán tổng hợp	Công ty Chứng khoán Xuân Thành
2014 - 2015	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần Thương mại Trường Lộc Phát
01/2016 – Nay	Trưởng BKS	Công ty cổ phần Thương Phú

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b. Thành viên BKS – Ông VÕ NGỌC BÀNG

- Họ và tên: VÕ NGỌC BÀNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/10/1990
- Nơi sinh: Diễn Xuân, Diễn Châu, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: Nhị Châu, Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: Nhị Châu, Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội
- Số CMND: 013029213 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 29/12/2007
- Điện thoại liên hệ: 0167.678.0348
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Tháng 06/2012 đến nay	Nhân viên xuất nhập khẩu	Công ty cổ phần Thương Phú
01/2016 – Nay	Thành viên BKS	Công ty cổ phần Thương Phú

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm 0,10 % vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 15.000 cổ phần (0,15% vốn điều lệ)

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Võ Thị Liên	Mẹ đẻ	5.000	0,05
2	Võ Thị Phượng	Em gái	500	0,005

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

c. Thành viên BKS – Ông VÕ VĂN LONG

- Họ và tên: VÕ VĂN LONG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/10/1991
- Nơi sinh: Diễn Liên, Diễn Châu, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Diễn Liên, Diễn Châu, Nghệ An
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số CMND: 186852315 Nơi cấp: CA Nghệ An Ngày cấp: 27/05/2013

- Điện thoại liên hệ: 0123.553.0123
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Nhân viên - CTCP Nasan Việt Nam
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Tháng 10/2014 đến nay	Nhân viên	Công ty cổ phần Nasan Việt Nam
01/2016 – Nay	Thành viên BKS	Công ty cổ phần Thương Phú

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
 - Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
 - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
 - Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- **Kế toán trưởng: Ông HỒ VĂN TIẾN**
- Lý lịch xem tại khoản d, mục Thành viên HĐQT.

13. Tài sản

Bảng 21: Tình hình tài sản của Công ty giai đoạn 2014 – 2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A. Công ty mẹ					
I	Tài sản hữu hình	9.007.599.369	7.051.334.827	15.007.599.369	11.646.913.639
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.477.699.369	2.739.629.221	7.551.699.369	6.157.809.283
2	Máy móc thiết bị	4.104.700.000	3.383.371.359	6.030.700.000	4.738.902.109
3	Phương tiện vận tải	1.023.200.000	639.500.000	1.023.200.000	511.600.000
4	Tài sản cố định khác	402.000.000	288.834.247	402.000.000	238.584.247
II	Tài sản vô hình	-	-	-	-
Tổng cộng		9.007.599.369	7.051.334.827	15.007.599.369	11.646.913.639
B. Công ty con					
I	Tài sản hữu hình	9.007.599.369	7.051.334.827	34.054.951.302	29.471.163.356
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.477.699.369	2.739.629.221	17.136.325.120	15.682.768.367
2	Máy móc thiết bị	4.104.700.000	3.383.371.359	15.493.426.182	13.038.210.742
3	Phương tiện vận tải	1.023.200.000	639.500.000	1.023.200.000	511.600.000
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	-	-	-	-
5	TSCĐ khác	402.000.000	288.834.247	402.000.000	238.584.247
II	Tài sản vô hình	-	-	-	-
Tổng cộng		9.007.599.369	7.051.334.827	34.054.951.302	29.471.163.356

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2015 của Công ty)

- **Khoản chi phí trả trước dài hạn:** Chi phí trả trước dài hạn số dư tại báo cáo riêng ngày 31/12/2015 là 3.481.575.586 đồng là giá trị chờ phân bổ còn lại của toàn bộ chi phí công ty đã chi ra cho việc có được quyền thuê đất (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 22, diện tích 13.151 m²) theo Hợp đồng thuê đất số 103/HĐ/TĐ ngày 24 tháng 08 năm 2011 giữa UBND tỉnh Quảng Trị và Công ty cổ phần Thương Phú. Công ty đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 015116 đối với thửa đất trên, thời hạn sử dụng đến ngày 16 tháng 05 năm 2055. Theo đó, khoản chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 41 năm.

Công ty con thuê trụ sở tại Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội và nhà máy sản xuất được đặt tại Quốc Oai, Hà Nội.

Bảng 22: Danh mục một số tài sản của Công ty con tại ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản	31/12/2015	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Nhà xưởng sản xuất	7.605.576	6.713.122
2	Hệ thống mái che	1.026.000	949.050
3	Nhà văn phòng	1.554.710	1.516.212
4	Nhà kho	960.132	672.092
5	Hệ thống sân đường	5.234.489	5.098.152
6	Hệ thống máy trồng quay	2.252.000	2.029.433
7	Hệ thống máy sát khô	3.840.000	3.328.000
8	Thiết bị cấp liệu	1.560.000	1.352.000
9	Hệ thống máy sấy	1.871.450	1.429.737
10	Hệ thống buồng đốt sản sấy tĩnh	1.540.000	1.232.000
11	Máy bắn màu Buler	1.100.000	1.008.333
12	Ô tô Fortuner	1.023.000	511.600

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương Phú)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo**Bảng 22: Kế hoạch kinh doanh năm 2016 của Công ty**

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015 (triệu đồng)	Năm 2016	
			Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng (giảm) so với năm 2014
1	Vốn điều lệ	100.000	100.000	0%
2	Doanh thu thuần	107.181	120.000	11,96%
3	Lợi nhuận sau thuế	6.599	12.000	81,85%
4	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,66%	10%	-
5	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	9,4%	12%	-
6	Cổ tức	-	10%	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016 Công ty Cổ phần Thương Phú)

➤ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:**

Tháng 10/2015, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng. Sau khi hoàn thành tăng vốn, Công ty đã thực hiện các hoạt động đầu tư và bổ sung vốn lưu động nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo hoàn thành kế hoạch trong các năm tiếp theo.

Công ty xây dựng kế hoạch lợi nhuận năm 2016 là 12 tỷ đồng (tăng 80%) so với năm 2015 trên cơ sở cuối năm 2015 công ty đã thu mua được một số lượng lớn cà phê nguyên liệu với mức giá thấp và Công ty dự báo về giá cà phê thành phẩm trên thế giới năm 2016 tiếp tục tăng cao. Tính đến hết tháng 3/2016, Công ty mẹ và công ty con đã đạt gần 57 tỷ đồng doanh thu (đạt 47,5% kế hoạch cả năm), giá cà phê đã tăng vượt mức dự đoán của công ty và đem lại khoản lợi nhuận hết quý I/2016 là 2,62 tỷ đồng (đạt 21,82 % kế hoạch của cả năm). Ngoài ra trong năm nay, Công ty cũng đã và đang tập trung vào sản xuất và chế biến các sản phẩm cà phê chất lượng cao để phục vụ cho thị trường quốc tế. Hiện nay, Nasan đã và đang gây dựng được uy tín trên thị trường sản phẩm từ cà phê arabica. Các sản phẩm từ cà phê arabica được xuất trực tiếp từ công ty con đến các thị trường cà phê trên thế giới. Các tổ chức như Tổ chức Phát triển Hà Lan (SNV), Bộ ngoại giao và Thương mại Úc đang quan tâm và hỗ trợ công ty xây dựng hình ảnh sản phẩm ra thị trường thế giới. Đây là một trong những lợi thế rất quan trọng trong việc quảng bá và xây dựng hình ảnh đối với một công ty xuất khẩu mặt hàng nông sản ra thị trường quốc tế.

Ngoài ra, Công ty hiện đang tiếp tục ký kết các hợp đồng cung cấp cà phê cho các đối tác trong và ngoài nước. Các hợp đồng này sẽ được thực hiện trong thời gian tới và đem lại nguồn thu lớn cho Công ty.

Bảng 23: Các hợp đồng đang thực hiện trong năm 2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên khách hàng	Thời gian thực hiện	Giá trị HĐ
1	Hamburg Coffee Company (Hafoco)	2016	16.504.800.000
2	Công ty cổ phần Cà phê Tây Bắc	2016	23.000.000.000
3	Công ty cà phê Vĩnh An – CN Đồng Nai	2016	5.796.000.000
4	Công ty ATLANTIC	2016	12.364.800.000
5	ETC Export Trading Company SA	2016	9.660.000.000
6	Công ty TNHH Thành Dung	2016	4.700.000.000
7	Nv SUPREMO sa	2016	14.800.000.000
8	GUZMAN GLOBAL S.L.	2016	1.766.400.000
9	Công ty Cổ phần GAP Việt Nam	2016	5.600.000.000
10	Công ty TNHH Tây Hà	2016	7.230.000.000
Tổng cộng			101.422.000.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Thương Phú)

➤ Định hướng phát triển chiến lược của Công ty***Tuân thủ pháp luật***

- Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

Quản lý, công tác tổ chức:

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của cán bộ công nhân viên, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

Tài chính:

- Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.

- Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để nghiên cứu các sản phẩm và dịch vụ mới.

Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong những năm tới, Công ty sẽ tăng cường tìm kiếm các sản phẩm mới, nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm phân phối.
- Tăng cường công tác quảng bá hình ảnh Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tăng cường tìm kiếm, mở rộng các khách hàng mới và chăm sóc tốt các khách hàng truyền thống của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện các quy trình quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, giữ gìn tốt phương tiện, máy móc thiết bị và chỉ đạo thực hiện tốt các quy trình bảo quản, vận hành sản xuất, đảm bảo an toàn về phương tiện, hàng hóa, con người. Hợp lý hóa các khâu sản xuất, thiết lập các định mức, biên độ sản xuất hợp lý tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ.
- Duy trì hiệu quả khai thác, hạn chế rủi ro, đảm bảo về yêu cầu an toàn lao động, cũng như quan tâm đúng mức về yếu tố bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, giảm chất thải công nghiệp...

Phát triển nguồn nhân lực:

- Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.
- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.

15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của CTCP Thương Phú, cùng với việc phân tích ngành và phê, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho rằng, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của CTCP Thương Phú phù hợp với tình hình thị trường, tính khả thi cao nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng.

VCBS lưu ý rằng, các nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ một tổ chức tư vấn dựa trên cơ sở thông tin thu thập được có chọn lọc và cân nhắc một cách khách quan. Tuy nhiên, những nhận xét trên không hàm ý bảo đảm giá chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu dự báo. VCBS khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

PHẦN V.CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: **Cổ phiếu phổ thông**
2. Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu.**
3. Mã chứng khoán **CTP**
4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết: **10.000.000 cổ phiếu**
5. Tổng giá trị chứng khoán đăng ký niêm yết theo mệnh giá: **100.000.000.000 đồng.**
6. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Theo quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty là **2.515.000** cổ phiếu chiếm **25,15%** vốn điều lệ.

Bảng 24: Danh sách cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 1 năm kể từ ngày niêm yết
1	Võ Quang Thành	Chủ tịch HĐQT	480.000	240.000
2	Nguyễn Thị Thủy	Ủy viên HĐQT	1.500.000	750.000
3	Nguyễn Bá Nam	Ủy viên HĐQT	200.000	100.000
4	Hồ Văn Tiến	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	200.000	100.000
5	Nguyễn Xuân Thủy	Ủy viên HĐQT	50.000	25.000
6	Nguyễn Hữu Ái	Tổng Giám đốc	50.000	25.000
7	Nguyễn Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc	10.000	5.000
8	Trần Ngọc Lan	Trưởng BKS	10.000	5.000
9	Võ Ngọc Bằng	Thành viên BKS	10.000	5.000

10	Võ Văn Long	Thành viên BKS	5.000	2.500
	Tổng		2.515.000	1.257.500

7. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của một cổ phiếu Công ty cổ phần Thương Phú được tính theo công thức sau

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}}$$

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Vốn chủ sở hữu	25.272.965.275	113.430.245.056
Cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	10.000.000
Giá trị sổ sách một cổ phiếu	12.636	11.343

8. Phương pháp tính giá

Công ty sử dụng phương pháp tính giá P/E, P/B và các phương pháp khác theo quy định để tính giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu tại sàn HNX.

- Phương pháp so sánh P/E;
- Phương pháp so sánh P/B;
- Các phương pháp khác theo quy định.

Căn cứ vào các phương pháp xác định giá trên, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tính toán và ra quyết định về mức giá tham chiếu, công bố cho nhà đầu tư trước ngày giao dịch đầu tiên.

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tuân theo quy định hiện hành tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm ngày 01/04/2016, Công ty cổ phần Thương Phú không có cổ đông nước ngoài.

10. Các loại thuế có liên quan

Về thuế TNDN: Công ty có trụ sở chính tại Km19, Thôn Cọp, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, thuộc địa bàn kinh tế khó khăn theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ. Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2010 đến năm 2024) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm (kể từ

năm 2010 đến năm 2014), và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện hoạt động nhà máy cà phê huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 4 điều 18, khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp."

Riêng thuế giá trị gia tăng, Công ty thuộc diện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại nên không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện nghĩa vụ thuế khác như: thuế sử dụng đất, thuế môn bài...

PHẦN VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 12 & 17 Toà nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 04.3936.6990

Fax : 04.3936.0262

Website : <https://www.vCBS.com.vn/>

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ : Số 01, Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 04.3824.1990

Fax : 04.3825.3937

Website : <http://www.aasc.com.vn/>

PHẦN VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận ĐKKD;
- 2. Phụ lục II** : Điều lệ Công ty;
- 3. Phụ lục V** : Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2015;
- 4. Phụ lục VI** : Giới thiệu văn bản pháp luật có liên quan.

Quảng Trị, ngày 01 tháng 07 năm 2016

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Võ Quang Thành
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Ai
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần
Hồng Vân

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
Vũ Quang Đông